

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP SỢI PHÚ BÀI NĂM 2021

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
- Giấy CNĐKDN, mã số: 3300352720; Đăng ký thay đổi lần 8 ngày 04/05/2020; Nơi cấp: Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thời gian: Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 23 tháng 04 năm 2021
- Địa điểm: tại Phòng họp Tầng 2 – Nhà điều hành Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (Địa chỉ: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế).

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

A. KHAI MẠC, THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

I/ Khai mạc và thành phần tham dự Đại hội:

Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tịch HĐQT Công ty thay mặt Ban tổ chức phát biểu khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sợi Phú Bài năm 2021 và giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.

1- **Cổ đông của Công ty:** Có mặt 06 người, là các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Công ty CP Sợi Phú Bài.

2- Hội đồng quản trị Công ty:

- 1- Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tịch
- 2- Bà Trần Thị Kim Chi – Ủy viên, Tổng Giám đốc

3- Ban kiểm soát Công ty:

- 1- Ông Võ Hoàng Phụng – Ủy viên
- 2- Ông Nguyễn Ngọc Cách – Ủy viên

II/ Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

Ông Võ Hoàng Phụng – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

- Tổng số cổ đông được triệu tập tham dự Đại hội : 143 cổ đông đại diện cho quyền sở hữu 9.500.000 cổ phiếu, bằng 100% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

- Tổng số cổ đông (sở hữu và đại diện theo ủy quyền) có mặt và đủ điều kiện tham dự Đại hội là 62 cổ đông, đại diện cho 8.578.226 cổ phiếu, chiếm 90,297% trên tổng số 9.500.000 cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sợi Phú Bài năm 2021 được phép tiến hành (có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

B. NỘI DUNG CHÍNH:

I/ Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội:

Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tịch HĐQT Công ty đã trình bày Quy chế tổ chức Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông giao tay biểu quyết tán thành 100%.

II/ Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu:

- 1- Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội.
- 2- Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm 100% bầu Thư ký và Ban kiểm phiếu tại Đại hội, gồm:
 - Thư ký Đại hội: Ông Nguyễn Tường Huy – Thư ký HĐQT Công ty.
 - Ban kiểm phiếu Đại hội: Bà Hoàng Thái Trúc làm Trưởng Ban kiểm phiếu; Ông Võ Hoàng Phụng là Ủy viên và Ông Nguyễn Tường Huy là Thư ký Ban kiểm phiếu.

III/ Thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông:

Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tọa trình bày và đã được Đại hội đồng cổ đông giơ tay biểu quyết nhất trí 100% thông qua Chương trình Đại hội (có Chương trình Đại hội kèm theo)

IV/ Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đã nghe các thành viên Hội đồng quản trị và Cơ quan điều hành Công ty trình bày các nội dung sau:

1- Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, Bà Trần Thị Kim Chi – Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty trình bày tại Đại hội Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty CP Sợi Phú Bài (có kèm theo Báo cáo chi tiết trình Đại hội).

2- Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày tại Đại hội Báo cáo về Kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty (có kèm theo Báo cáo chi tiết trình Đại hội).

3- Báo cáo Tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (do Bà Hoàng Thái Trúc – Trưởng Phòng Kế toán-Tài chính Công ty trình bày) (có bản sao Báo cáo Tài chính kèm theo).

4- Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (do Bà Hoàng Thái Trúc – Trưởng Phòng Kế toán-Tài chính Công ty trình bày) (có bản sao Báo cáo kèm theo).

5- Định hướng tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 và Phân phối lợi nhuận lũy kế sau thuế (LNST) năm 2020 của Công ty (do Bà Hoàng Thái Trúc – Trưởng Phòng Kế toán-Tài chính Công ty báo cáo trình Đại hội biểu quyết thông qua). Cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1/	Lợi nhuận sau thuế năm 2020:	7.230.676.226	
2/	Phương án phân phối lợi nhuận:	7.230.676.226	
a -	Chia cổ tức năm 2020 cho các cổ đông bằng tiền:	4.750.000.000	5%/VĐL (95 tỷ đồng)
b -	Trích Quỹ đầu tư phát triển:	826.892.000	Tỷ lệ 11,43%/LNST
c -	Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Công ty năm 2020:	826.892.000	
d -	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	826.892.226	Chia đều cho 02 quỹ

* Thời gian chi trả cổ tức: Sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.

6- Bà Hoàng Thái Trúc – Trưởng Phòng Kế toán-Tài chính Công ty báo cáo trình Đại hội biểu quyết thông qua Tiền thù lao công việc cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty; Tiền lương cho Ban Lãnh đạo Công ty; Quỹ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho cán bộ công nhân viên Công ty trong năm 2021

a) Giữ nguyên tiền lương, thù lao công việc hàng tháng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

+ Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị:

- Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng.

- Ủy viên HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.

+ Tiền lương và thù lao thành viên Ban kiểm soát:

- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách: 7.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao Ủy viên BKS: 3.000.000 đồng/tháng.

b) Giữ nguyên tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD hàng tháng cho Ban Lãnh đạo Công ty:

+ Tổng Giám đốc: khoảng 45 – 55 triệu đồng/tháng.

+ Các Phó Tổng giám đốc: khoảng 25 – 40 triệu đồng/tháng.

+ Kế toán trưởng, hoặc Trưởng phòng Kế toán-Tài chính: khoảng 18 – 25 triệu đồng/tháng.

* Các mức tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD hàng tháng nêu trên cho Ban Lãnh đạo Công ty sẽ được cập nhật theo các quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước về thay đổi chế độ tiền lương, bảo hiểm và các khoản phụ cấp khác.

c) Giữ nguyên tỷ lệ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho cán bộ công nhân viên Công ty trên doanh thu bán sợi và gia công sợi là 15%.

* Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc phân phối và thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho toàn thể CBCNV Công ty từ chi phí SXKD hàng tháng hoặc Quỹ tiền lương, thưởng và Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

❖ Ghi chú:

+ Mức lương, thưởng kết quả SXKD hàng tháng nêu trên là không bao gồm thuế thu nhập cá nhân.

+ Ngoài số tiền thu nhập hàng tháng nêu trên, Công ty thanh toán thêm các khoản tiền khác (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân), như: tiền thưởng Lễ Tết, tiền lương tháng thứ 13 theo quyết định của Công ty.

+ Thuế thu nhập cá nhân do Công ty chịu chi phí.

7- Bà Hoàng Thái Trúc – Trưởng Phòng Kế toán-Tài chính Công ty báo cáo trình Đại hội biểu quyết thông qua chủ trương: Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty là Công ty TNHH KPMG Việt Nam, hoặc một tổ chức kiểm toán độc lập khác có uy tín.

8- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sửa đổi lần thứ bảy) và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Xây dựng mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tịch HĐQT Công ty đã báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình sau:

a) Tờ trình số 132/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

b) Tờ trình số 133/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Sửa đổi, Bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

c) Tờ trình số 134/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

9- Ông Võ Hoàng Phụng – Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty thay mặt Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2020 (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

V/ Đại hội thảo luận:

Đại hội đã nhất trí cao với các báo cáo đã được trình bày tại Đại hội.

VI/ Đại hội đồng cổ đông biểu quyết:

1- Thông qua Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty CP Sợi Phú Bài (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

a) Một số chỉ tiêu Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện năm 2020:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh (%) TH 2020/ KH 2020
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	760	680	89,5%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.700	14.234,27	103,9%
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	780	728,29	93,4%
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	28	24,97	89,2%
5	Kim ngạch nhập khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD		18,76	
6	Số lượng lao động	Người		754	
7	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) tại Công ty CP Sợi Phú Bài	Triệu đồng		9	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10	9,06	90,6%
9	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18	15,12	84%
10	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10%/VĐL (95 tỷ đồng)	5%/VĐL (95 tỷ đồng)	50%

b) Một số chỉ tiêu cơ bản của Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2021
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	826,15
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.948
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	816,75

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2021
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	34,12
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,5
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6%/VĐL (95 tỷ đồng)
8	Kế hoạch vốn sử dụng trong năm 2021 cho thay thế, sửa chữa lớn và dự phòng	Khoảng 5% trên doanh thu	

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

2- Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

3- Thông qua Báo cáo Tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (có Báo cáo Tài chính kèm theo).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

4- Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

5- Thông qua Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 và Phân phối lợi nhuận lũy kế sau thuế (LNST) năm 2020 của Công ty. Cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1/	Lợi nhuận sau thuế năm 2020:	7.230.676.226	
2/	Phương án phân phối lợi nhuận:	7.230.676.226	
a -	Chia cổ tức năm 2020 cho các cổ đông bằng tiền:	4.750.000.000	5%/VĐL (95 tỷ đồng)
b -	Trích Quỹ đầu tư phát triển:	826.892.000	Tỷ lệ 11,43%/LNST

c -	Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Công ty năm 2020:	826.892.000	
d -	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	826.892.226	Chia đều cho 02 quỹ

* **Thời gian chi trả cổ tức:** Sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết Tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

6- Thông qua Tiền thù lao công việc cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty; Tiền lương cho Ban Lãnh đạo Công ty; Quỹ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho cán bộ công nhân viên Công ty trong năm 2021 (theo nội dung nêu ở mục IV.6).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết Tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

7- Thông qua chủ trương: Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty là Công ty TNHH KPMG Việt Nam, hoặc một tổ chức kiểm toán độc lập khác có uy tín.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết Tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

8- Thông qua việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sửa đổi lần thứ bảy) và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Xây dựng mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài. (theo nội dung các Tờ trình nêu ở mục IV.8).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết Tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

9- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2020 (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết Tán thành: 100%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0%
- Không có ý kiến: 0%

10- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

10.1- Ông Nguyễn Tường Huy - Thư ký trình bày Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

10.2- Đại hội nhất trí thông qua các nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

10.3- Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sợi Phú Bài năm 2021 giao cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng thông qua theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

11- Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tọa tổng kết và tuyên bố bế mạc Đại hội. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sợi Phú Bài năm 2021 đã kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Tường Huy



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Ông CAO HỮU HIẾU

*** Nơi nhận:**

- Sở GDCKHN;
- UBCKNN;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website: www.phubaispinning.com;
- Lưu VT, KT-TC.





CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Địa chỉ: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 0234- 3863240/ 3863367 Fax: 0234- 3863363
Email: info@phubaispinning.com Website: www.phubaispinning.com

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Sợi Phú Bài

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP SỢI PHÚ BÀI NĂM 2021

(Tổ chức lúc 14g30 ngày 23/04/2021 tại Phòng họp tầng 2 - Công ty CP Sợi Phú Bài)

TT	Nội dung	Người thực hiện
	Đón tiếp đại biểu và cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức Đại hội
1/	Tuyên bố khai mạc Đại hội; Giới thiệu đại biểu	Ông Cao Hữu Hiếu
2/	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Võ Hoàng Phụng
3/	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Ông Cao Hữu Hiếu
4/	Bầu Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội	
5/	Thông qua Chương trình Đại hội	
6/	Thông qua Báo cáo của HĐQT Công ty về Kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021	Bà Trần Thị Kim Chi
7/	Thông qua Báo cáo của HĐQT Công ty về Kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021	Ông Cao Hữu Hiếu
8/	Thông qua Báo cáo Tài chính Công ty năm 2020 (đã kiểm toán); Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020 (đã kiểm toán)	Bà Hoàng Thái Trúc
9/	Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 và phân phối LNST năm 2020	
10/	Thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS Công ty; Tiền lương cho Ban Lãnh đạo Công ty; Quỹ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho CBCNV Công ty trong năm 2021	
11/	Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty	
12/	Thông qua việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sửa đổi lần thứ bảy) và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Xây dựng mới Quy chế về hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (theo nội dung các Tờ trình liên quan tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021)	Ông Cao Hữu Hiếu
13/	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty năm 2020	Ông Võ Hoàng Phụng
14/	Thông qua các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông	
15/	Thảo luận	Các cổ đông, hoặc Đại diện được ủy quyền
16/	Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội	
17/	Dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội	Thư ký Đại hội
18/	Tổng kết bế mạc Đại hội	Ông Cao Hữu Hiếu

Trân trọng thông báo.



CAO HỮU HIẾU

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Sợi Phú Bài;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Sợi Phú Bài ngày 23/04/2021;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội biểu quyết tán thành 100% về Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty CP Sợi Phú Bài (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

a) Một số chỉ tiêu Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện năm 2020:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh (%) TH 2020/ KH 2020
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	760	680	89,5%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.700	14.234,27	103,9%
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	780	728,29	93,4%
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	28	24,97	89,2%
5	Kim ngạch nhập khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD		18,76	
6	Số lượng lao động	Người		735	
7	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/tháng) tại Công ty CP Sợi Phú Bài	Triệu đồng		9	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10	9,06	90,6%
9	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18	15,12	84%
10	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10%/VĐL (95 tỷ đồng)	5%/VĐL (95 tỷ đồng)	50%

b) Một số chỉ tiêu cơ bản của Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2021
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	826,15
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.948
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	816,75
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	34,12
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,5
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6%/VĐL (95 tỷ đồng)
8	Kế hoạch vốn sử dụng trong năm 2021 cho thay thế, sửa chữa lớn và dự phòng	Khoảng 5% trên doanh thu	

Điều 2: Đại hội biểu quyết tán thành 100% về Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Điều 3: Đại hội biểu quyết tán thành 100% về Báo cáo Tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (có Báo cáo Tài chính kèm theo).

Điều 4: Đại hội biểu quyết 100% thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (có Báo cáo kèm theo).

Điều 5: Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 và Phân phối lợi nhuận lũy kế sau thuế (LNST) năm 2020 của Công ty. Cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1/	Lợi nhuận sau thuế năm 2020:	7.230.676.226	
2/	Phương án phân phối lợi nhuận:	7.230.676.226	
a -	Chia cổ tức năm 2020 cho các cổ đông bằng tiền:	4.750.000.000	5%/VĐL (95 tỷ đồng)
b -	Trích Quỹ đầu tư phát triển:	826.892.000	Tỷ lệ 11,43%/LNST
c -	Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Công ty năm 2020:	826.892.000	
d -	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	826.892.226	Chia đều cho 02 quỹ

* Thời gian chi trả cổ tức: Sau khi có Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.

Điều 6: Đại hội biểu quyết tán thành 100% về Tiền thù lao công việc cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty; Tiền lương cho Ban Lãnh đạo Công ty; Quỹ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho cán bộ công nhân viên Công ty trong năm 2021

a) Giữ nguyên tiền lương, thù lao công việc hàng tháng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

+ Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị:

- Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng.

- Ủy viên HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.

+ Tiền lương và thù lao thành viên Ban kiểm soát:

- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách: 7.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao Ủy viên BKS: 3.000.000 đồng/tháng.

b) Giữ nguyên tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD hàng tháng cho Ban Lãnh đạo Công ty:

+ Tổng Giám đốc: khoảng 45 – 55 triệu đồng/tháng.

+ Các Phó Tổng giám đốc: khoảng 25 – 40 triệu đồng/tháng.

+ Kế toán trưởng, hoặc Trưởng phòng Kế toán-Tài chính: khoảng 18 – 25 triệu đồng/tháng.

* Các mức tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD hàng tháng nêu trên cho Ban Lãnh đạo Công ty sẽ được cập nhật theo các quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước về thay đổi chế độ tiền lương, bảo hiểm và các khoản phụ cấp khác.

c) Giữ nguyên tỷ lệ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho cán bộ công nhân viên Công ty trên doanh thu bán sợi và gia công sợi là 15%.

* Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc phân phối và thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho toàn thể CBCNV Công ty từ chi phí SXKD hàng tháng hoặc Quỹ tiền lương, thưởng và Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

❖ **Ghi chú:**

+ Mức lương, thưởng kết quả SXKD hàng tháng nêu trên là không bao gồm thuế thu nhập cá nhân.

+ Ngoài số tiền thu nhập hàng tháng nêu trên, Công ty thanh toán thêm các khoản tiền khác (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân), như: tiền thưởng Lễ Tết, tiền lương tháng thứ 13 theo quyết định của Công ty.

+ Thuế thu nhập cá nhân do Công ty chịu chi phí.

Điều 7: Đại hội biểu quyết 100% Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty là Công ty TNHH KPMG Việt Nam, hoặc một tổ chức kiểm toán độc lập khác có uy tín.

Điều 8: Đại hội biểu quyết 100% thông qua việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sửa đổi lần thứ bảy) và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Xây dựng mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, theo nội dung các Tờ trình sau:

a) Tờ trình số 132/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

b) Tờ trình số 133/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Sửa đổi, Bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

c) Tờ trình số 134/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

Điều 9: Đại hội biểu quyết 100% thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2020 (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Điều 10: Tổ chức thực hiện

10.1- Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sợi Phú Bài năm 2021 giao cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng thông qua theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

10.2- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài thống nhất thông qua với tỷ lệ tán thành 100% có quyền biểu quyết và có hiệu lực kể từ ngày 23/04/2021.

10.3- Nghị quyết này được thông báo đến cổ đông trong vòng 24 giờ làm việc kể từ khi kết thúc Đại hội.

*** Nơi nhận:**

- Sở GDCKHN;
- UBCKNN;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website: www.phubaispinning.com;
- Lưu VT, KT-TC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



CAO HỮU HIẾU



QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

1- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài năm 2021 (sau đây gọi là “Đại hội”).

2- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2: Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày 05/04/2021 (ngày đăng ký cuối cùng) có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội:

1- Quyền lợi:

- Được tham gia ý kiến, thảo luận và biểu quyết thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

- Được Ban tổ chức Đại hội cung cấp toàn bộ tài liệu Đại hội, phiếu biểu quyết, ...;

2- Nghĩa vụ:

- Phải có mặt đúng thời gian quy định và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông: xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân; Giấy ủy quyền hợp lệ theo mẫu của Công ty, có chữ ký & ghi rõ họ tên của cổ đông ủy quyền và của người được ủy quyền dự họp (đối với người đại diện được ủy quyền)

- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội: Tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội; Ứng xử văn minh, lịch sự và không gây mất trật tự;

- Tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;

- Tự túc về các chi phí để tham dự Đại hội (phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi,...).

- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

Điều 4: Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nhận giấy tờ của các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;

- Phát các tài liệu Đại hội, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, ...;

- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu

Hội đồng quản trị Công ty đề cử Thư ký và Ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

1- Chủ tọa Đại hội:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.

b) Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm:

- Điều hành hoạt động của Đại hội theo nội dung dự kiến sẽ được Đại hội thông qua;
- Hướng dẫn các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền tiến hành thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết thông qua;

2- Thư ký Đại hội:

a) Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.

b) Thư ký Đại hội có nhiệm vụ thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa Đại hội, gồm:

- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và chuyển cho Chủ tọa Đại hội quyết định;
- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và các vấn đề được các Cổ đông thông qua hoặc còn phải lưu ý giải quyết vào Biên bản Đại hội;
- Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

3- Ban kiểm phiếu Đại hội:

a) Ban kiểm phiếu của Đại hội có 03 người, gồm có 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

b) Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra việc nộp Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của các cổ đông, người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Lập biên bản kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết;
- Giao lại biên bản và toàn bộ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử cho Thư ký hoặc Chủ tọa Đại hội.

Điều 6: Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự, đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 05/04/2021) để triệu tập họp Đại hội.

Điều 7: Cách thức tiến hành Đại hội

1- Đại hội lần lượt thảo luận và biểu quyết thông qua từng vấn đề trong chương trình, nội dung phiên họp sẽ được Đại hội thông qua.

1.1- Nguyên tắc phát biểu ý kiến, thảo luận tại Đại hội:

a) Việc phát biểu ý kiến hoặc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi cần phát biểu ý kiến thì giơ tay, hoặc đăng ký phát biểu ý kiến bằng phiếu đặt câu hỏi gửi cho Thư ký Đại hội để trình lên Chủ tọa Đại hội xem xét. Việc phát biểu, thảo luận được thực hiện dưới sự điều hành của Chủ tọa.

c) Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

d) Chỉ các ý kiến phát biểu, thảo luận phù hợp với chương trình, nội dung đã được Đại hội thông qua mới được ghi vào Biên bản họp Đại hội.

1.2- Giải đáp ý kiến:

a) Trên cơ sở phiếu câu hỏi của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền, Chủ tọa Đại hội hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền.

b) Trong trường hợp do có giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

1.3- Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

a) Phiếu biểu quyết đã được Công ty in sẵn, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông, người đại diện theo ủy quyền được cấp 01 Phiếu biểu quyết. Trên phiếu có ghi rõ: Họ tên, số cổ phiếu sở hữu hoặc ủy quyền được biểu quyết của cổ đông và các nội dung cần được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

* **Thể lệ biểu quyết:** Cứ 01 cổ phiếu có quyền biểu quyết là tương đương với 01 Phiếu biểu quyết. Tại ngày chốt danh sách cổ đông (05/04/2021), tổng số cổ phiếu của Công ty là 9.500.000 cổ phiếu, tương đương với 9.500.000 quyền biểu quyết.

b) Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết (tán thành; không tán thành; không có ý kiến) từng vấn đề bằng cách ghi hoặc đánh dấu trực tiếp từng nội dung cần được thông qua trong Phiếu biểu quyết của Đại hội.

c) Phiếu đã biểu quyết xong phải được nộp trực tiếp cho Ban kiểm phiếu.

d) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra và ghi nhận số phiếu “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến” của từng nội dung và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết trước Đại hội.

Điều 8: Kết thúc Phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1- Thông qua Nghị quyết / Quyết định của Đại hội:

a) Các Nghị quyết/Quyết định được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ **51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm b, c điều này.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

c) Các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán và được thông qua khi có từ **65% trở lên** tổng số phiếu biểu quyết của tất

cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội chấp thuận;

d) Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng **100%** tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi cả trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không thực hiện đúng như quy định.

2- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

a) Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào Biên bản.

b) Biên bản và Nghị quyết phiên họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

c) Chủ tọa ký ban hành Biên bản và Nghị quyết Đại hội; giao Công ty lưu giữ theo quy định.

Điều 9: Điều khoản thi hành

1- Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và các bên tham gia Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội.

2- Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình.

*** Nơi nhận:**

- Các Cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về Tình hình hoạt động SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021
của Công ty CP Sợi Phú Bài

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

I/ Tình hình hoạt động SXKD năm 2020:

1- Đánh giá tổng quát:

a) Bối cảnh:

- Từ cuối tháng 02/2020 đến nay, đại dịch Covid-19 đã diễn biến phức tạp, khó lường và lây lan rộng khắp thế giới. Có nhiều quốc gia ban bố tình trạng khẩn cấp, áp dụng lệnh phong tỏa và cách ly toàn xã hội. Tình huống bất khả kháng này đã và đang gây ra một cuộc suy thoái kinh tế xã hội khá nghiêm trọng trên toàn cầu, khiến cho nhiều lĩnh vực ngành nghề bị tê liệt, hoạt động SXKD bị đình trệ.

- Xu hướng may mặc trên thế giới thay đổi hoàn toàn do đại dịch. Các mặt hàng cao cấp nhường chỗ cho các mặt hàng thông thường & các mặt hàng bảo hộ với giá bán thấp, hiệu quả kinh doanh không cao.

- Nhu cầu & chỉ số tiêu dùng về may mặc giảm mạnh. Những chính sách thắt lưng buộc bụng của các hộ gia đình và hành động dè dặt trong đầu tư, chi tiêu của các doanh nghiệp dẫn đến tình trạng cung vượt quá cầu khiến cho sự cạnh tranh ngày càng gay gắt ở cả trong và ngoài nước.

b) Đánh giá về tổng cầu dệt may Thế giới năm 2020: Năm 2020, tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may toàn cầu giảm 20% so với năm 2019, đạt khoảng 600 tỷ USD, trong đó nhu cầu nhập khẩu dệt may của 5 thị trường lớn như sau:

- Mỹ: giảm 20% so với năm 2019, từ 120 tỷ USD giảm xuống 96 tỷ USD (9 tháng đầu năm 2020 kim ngạch nhập khẩu (KNNK) hàng dệt may của Mỹ giảm 25%);

- EU: giảm 6% so với năm 2019, đạt 227 tỷ USD (7 tháng đầu năm 2020 kim ngạch nhập khẩu giảm 5,7% so cùng kỳ năm ngoái);

- Nhật Bản: giảm 3,7% so với năm 2019 ở mức 35,7 tỷ USD;

- Hàn Quốc: giảm 7% so với năm 2019, từ 16,1 tỷ USD giảm xuống 15 tỷ USD;

- Trung Quốc: giảm 21% (chủ yếu bông, sợi) so với năm 2019, đạt 25 tỷ USD.

c) Về tình hình dệt may trong nước năm 2020:

- Ngành Sợi-Dệt-May là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch: Nhiều doanh nghiệp dệt may bị yêu cầu dời ngày giao hàng hoặc thậm chí bị hủy bỏ đơn hàng.

- Tình hình căng thẳng đến mức nhiều doanh nghiệp sợi-dệt-may lên kế hoạch giảm hoặc ngưng hoạt động sản xuất kể từ tháng 4/2020 vì không có đơn hàng.

d) Tại Công ty CP Sợi Phú Bài: mặc dù chịu ảnh hưởng lớn bởi nhiều tác động xấu của đại dịch toàn cầu nhưng Công ty đã duy trì ổn định sản xuất và các chỉ tiêu SXKD tuy chưa đạt được mức đề ra trong năm 2020.

2- Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh (%) TH 2020/ KH 2020
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	760	680	89,5%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.700	14.234,27	103,9%
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	780	728,29	93,4%
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	28	24,97	89,2%
5	Kim ngạch nhập khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD		18,76	
6	Số lượng lao động	Người		754	
7	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/tháng) tại Công ty CP Sợi Phú Bài	Triệu đồng		9	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10	9,06	90,6%
9	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18	15,12	84%
10	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10%/VĐL (95 tỷ đồng)	5%/VĐL (95 tỷ đồng)	50%

a) Đánh giá tình hình sản xuất:

Năng suất và chất lượng sợi tại Công ty CP Sợi Phú Bài duy trì ở mức khá cao và ổn định, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng: Sản lượng sản xuất cả năm 2020 đạt **14.234 tấn** sợi thành phẩm các loại (trên 1.000 tấn/tháng). Hiệu suất khai thác các máy khá ổn định ở mức khoảng 85% - 90% trở lên.

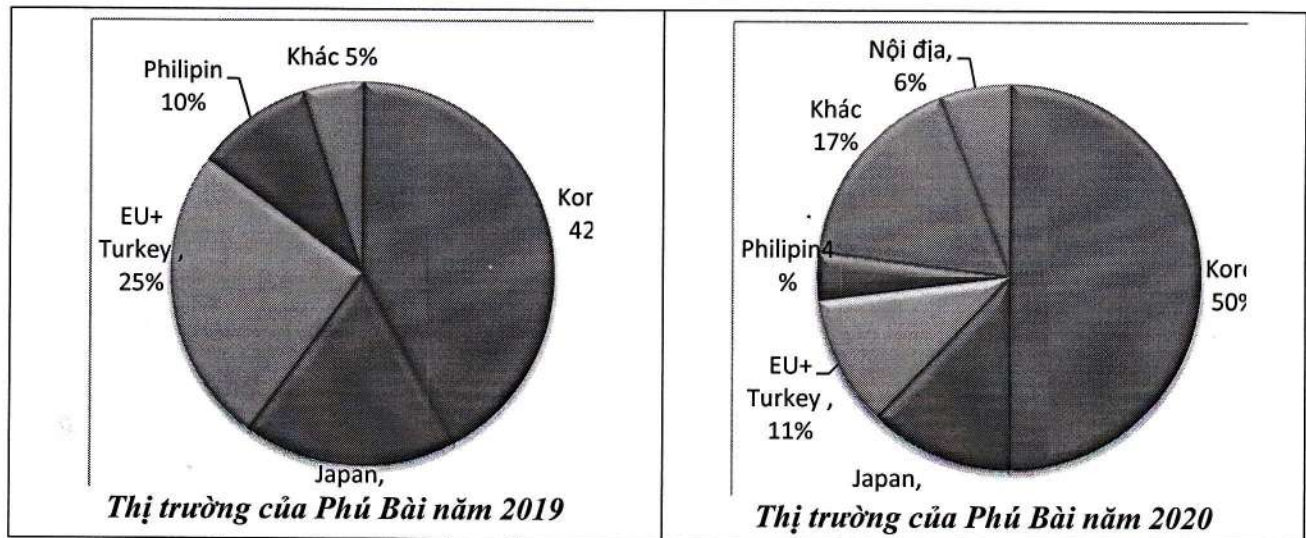
❖ Cơ cấu mặt hàng năm 2020:

TT	Thành phẩm	Đơn vị	Sản lượng năm 2020
1	Sợi T/C các loại	Tấn	4.718,18
2	Sợi CVC các loại	Tấn	6.434,10
3	Sợi TR	Tấn	872,33
4	Sợi PE	Tấn	5,73
5	Sợi Cotton các loại	Tấn	145,09
5	Sợi PE (tại NM Sợi Phú Xuyên)	Tấn	2.058,84
TỔNG CỘNG		Tấn	14.234,27

b) Đánh giá thị trường tiêu thụ:

+ Cơ cấu thị trường tiêu thụ:

- Thị trường Nội địa: chiếm 6%
- Thị trường Xuất khẩu: chiếm 94%; Trong đó, Thị trường Hàn Quốc 50%; Nhật Bản 12%; Châu Âu + Thổ Nhĩ Kỳ 11%, Philippines 4%; Thị trường khác (Ai Cập, Trung Quốc, Malaysia, Nam Mỹ...) 17%



+ Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Phú Bài trong năm 2020 so với năm 2019:

Trong năm 2020, Công ty vẫn tập trung xuất khẩu vào các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu + Thổ Nhĩ Kỳ, Philippines & các thị trường khác (Đài Loan, Thái Lan, Mã Lai, ...). Tuy nhiên, cơ cấu thị trường có nhiều thay đổi so với năm ngoái do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Cụ thể là:

- **Thị trường Hàn Quốc:** tăng 8%, trong đó loại hình xuất khẩu tại chỗ (xuất hàng đến các công ty Hàn Quốc có nhà máy sản xuất tại Việt Nam nằm trong chuỗi cung ứng Dệt – Nhuộm – Hoàn tất của các nhãn hàng lớn) tăng mạnh về số lượng và cả chất lượng vào những tháng cuối năm. Đây là xu thế của thị trường khi nhiều công ty nước ngoài đẩy mạnh việc thiết lập các nhà máy tại Việt Nam nhằm cắt giảm chi phí & tận dụng lợi thế từ các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã và sẽ ký kết với nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới. Mặt hàng chủ yếu tại thị trường này là: sợi CVC chải kỹ và sợi sản xuất từ bông BCI & xơ Polyester tái chế. Các đơn hàng này chủ yếu phục vụ cho chuỗi cung ứng Dệt – Nhuộm – Hoàn tất của các nhãn hàng lớn nên thường có số lượng lớn, đơn đặt hàng ổn định và có giá bán tốt hơn so với các mặt hàng sợi khác.

- **Thị trường Nhật Bản:** giảm 6%, Nhật Bản là một trong những thị trường truyền thống, là bạn hàng lâu năm của Công ty. Tuy nhiên, thị trường này lại sụt giảm mạnh về nhu cầu và giá bán sợi trong năm 2020. Đơn hàng sợi xuất sang thị trường này phục vụ chủ yếu cho nhu cầu nội địa. Các chính sách thắt chặt chi tiêu là nguyên nhân chủ yếu khiến cho nhu cầu sợi giảm mạnh.

- **Thị trường Philippines:** giảm 6%, Philippines cũng là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh. Quốc gia này đã phải áp dụng các hạn chế đi lại & ban bố lệnh phong tỏa trong thời gian dài và nhiều lần trong năm qua.

- **Thị trường châu Âu + Thổ Nhĩ Kỳ:** Nhu cầu và giá bán tại thị trường EU & Thổ Nhĩ Kỳ sụt giảm mạnh từ nửa cuối năm 2020. Đặc biệt, chi phí bán hàng & cước đường biển đến các thị trường này tăng mạnh vào những tháng cuối năm buộc công ty phải chuyển hướng bán hàng sang các thị trường còn tiềm năng khác.

- **Thị trường khác** (gồm Đài Loan, Thailand, Malaysia, ...): nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chuyển hướng thị trường để đảm bảo mục tiêu tiêu thụ. Đây cũng là giải pháp giúp Công ty tránh khỏi việc quá phụ thuộc vào một số ít các thị trường nhất định.

c) Về lao động và đời sống:

+ Số lượng lao động bình quân của Công ty năm 2020 là khoảng 754 người (kể cả Chi nhánh NM Sợi Phú Xuyên).

+ Lương, thưởng kết quả SXKD bình quân:

- Sợi Phú Bài đạt 9,0 triệu đồng/người/tháng;

- Sợi Phú Xuyên đạt 6,3 triệu đồng/người/tháng.

+ Chế độ bảo hiểm, bữa ăn cho toàn thể CBCNV cũng như Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh định kỳ luôn được Công ty quan tâm chăm lo và duy trì trong nhiều năm qua.

d) Về công tác An toàn lao động (ATLĐ) và Phòng cháy chữa cháy (PCCC):

Công ty luôn đảm bảo thực hiện tốt công tác giữ gìn An toàn vệ sinh lao động, An ninh trật tự và Phòng cháy chữa cháy đúng quy định của pháp luật và nội quy/quy chế của Công ty:

- Công ty đã lắp đặt hệ thống PCCC tự động tại nhà xưởng; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị PCCC; đồng thời thường xuyên tổ chức diễn tập PCCC tại Công ty cho toàn thể CBCNV, bảo đảm An toàn trong lao động, hạn chế xảy ra các yếu tố rủi ro trong sản xuất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền ATLĐ & Phòng chống cháy nổ cho CBCNV.

- Khắc phục các nguy cơ gây mất ATLĐ và cháy nổ trong nhà xưởng, kho bãi.

e) Công tác phòng chống dịch Covid-19:

Hưởng ứng tinh thần phòng chống dịch Covid-19 đang diễn ra quyết liệt trong nước và trên toàn thế giới, Công ty luôn quán triệt và đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch Covid-19: Toàn thể CBCNV Công ty luôn ở trong trạng thái chủ động, tuyệt đối không chủ quan hoặc lơ là trong công tác phòng chống dịch bệnh, tuân thủ các nguyên tắc yêu cầu sau:

- Đề cao tinh thần phòng chống dịch Covid-19, quyết liệt ngăn chặn dịch bệnh không bị lây nhiễm chéo trong cộng đồng;

- Chú trọng kiểm soát tình huống dịch Covid-19 trong Công ty, bảo đảm tuân thủ các quy định về phòng chống dịch của Bộ Y tế và Chính phủ Việt Nam. Tuyệt đối không để người lao động của Công ty bị lây nhiễm dẫn đến toàn bộ Công ty phải phong tỏa, dừng hoạt động SXKD, ... Cụ thể:

+ Thành lập Tổ Phòng Chống dịch: có phòng y tế riêng, có 01 y tá chuyên trách và 01 chuyên viên phụ trách an toàn;

+ Thông báo rộng rãi bằng văn bản trên toàn Công ty và trên tivi tại nhà ăn về các triệu chứng nghi ngờ của bệnh, khuyến cáo về những việc nên làm theo **thông điệp 5 K** của Chính phủ để phòng bệnh hiệu quả: **Khẩu trang; Khử khuẩn; Khoảng cách; Không tụ tập đông người và Khai báo y tế.**

+ Đo thân nhiệt CBCNV khi lên xe đưa đón và khi ra/vào Công ty;

+ Cho các CBCNV trở về từ vùng dịch được tự cách ly ở nhà trong 14 ngày trước khi trở lại làm việc.

3- Về công tác thi đua khen thưởng năm 2020:

Công ty khen thưởng 14 Đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2020” và 46 cá nhân đạt danh hiệu “Cá nhân xuất sắc năm 2020”.

4- Về công tác xã hội, từ thiện và các hoạt động vì cộng đồng:

Mặc dù tình hình SXKD trong năm 2020 có nhiều khó khăn nhưng Công ty đã cố gắng thực hiện các hoạt động vì cộng đồng, như: Hỗ trợ 82 triệu đồng nhân Lễ gặp mặt Cán bộ hưu trí Dệt May miền Trung; Hỗ trợ 72 triệu đồng cho Hội Hưu trí Dệt May tại Tỉnh Thừa Thiên Huế; Ủng hộ 10 triệu đồng cho Hội khuyến học Tỉnh Thừa Thiên Huế; Ủng hộ 10 triệu đồng cho “Quỹ vì người nghèo Tỉnh Thừa Thiên Huế” để thực hiện dự án di dời, tái định cư, giải phóng mặt bằng khu vực Kinh thành Huế; Hỗ trợ 20 triệu đồng cho công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020; Đặc biệt, Công ty kết hợp với Công đoàn Công ty đã hỗ trợ tiền mặt và quà tặng với trị giá khoảng 96 triệu đồng cho các Hội người mù, Trung tâm bảo trợ trẻ em khuyết tật, hội từ thiện xã hội khác trên toàn Tỉnh Thừa Thiên Huế.

5- Tình hình tài chính:
a) Tình hình tài chính:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	255.284	583.137	228,42%
Tổng doanh thu	792.055	728.289	91,95%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.239	7.806	94,74%
Lợi nhuận trước thuế	8.021	9.059	112,94%
Lợi nhuận sau thuế	6.441	7.230	112,25%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến	8%/VĐL 50 tỷ đồng	5%/VĐL 95 tỷ đồng	118,75%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % tăng, giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,37	1,42	103,65%
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,70	0,78	111,43%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,73	114,06%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,80	2,72	151,11%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,17	5,13	99,23%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,08	1,23	39,94%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,82	1,01	123,17%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,07	4,62	65,35%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,52	1,24	49,21%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	1,05	1,09	103,81%

II/ Một số chỉ tiêu cơ bản của Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2021
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	826,15
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.948
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	816,75
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	34,12

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2021
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,5
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6%/VĐL (95 tỷ đồng)
8	Kế hoạch vốn sử dụng trong năm 2021 cho thay thế, sửa chữa lớn và dự phòng	Khoảng 5% trên doanh thu	

III/ Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2021 của Công ty:

1- Những thuận lợi:

- Kinh tế vĩ mô trong nước ổn định.
- Việt Nam kiểm soát tốt dịch Covid-19.
- Hưởng lợi từ các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP).
- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo điều kiện để ngành Dệt May Việt Nam giải quyết khâu yếu về năng suất, chất lượng, tự động hóa hệ thống quản lý.
- Nhu cầu về các sản phẩm dệt may trên thế giới dự báo năm 2021 sẽ cao hơn 2020.

2- Những thách thức:

- Dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp trên thế giới. Các nước vẫn còn phong tỏa do dịch.
- Khả năng cạnh tranh lao động cực kỳ quyết liệt.
- Giá nguyên liệu thường xuyên biến động làm cho khó xác định giá bán sợi.
- Các đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều ngay cả trong nước và quốc tế.
- Nhu cầu về mặt hàng sợi chải thô còn tương đối thấp và không có nhiều lựa chọn, trong khi năng lực chải kỹ của nhà máy không đáp ứng được hết.
- Tình trạng thiếu hụt container rỗng vẫn đang diễn biến ngày một trầm trọng và được dự báo còn tiếp tục kéo dài dẫn đến cước phí vận tải, các loại phụ phí khác ... tăng mạnh đối với hàng hóa xuất khẩu và gây ra áp lực lớn lên hoạt động kinh doanh sợi xuất khẩu của Công ty.
- Các chính sách của Nhà nước vẫn còn bất cập.

3- Định hướng phát triển SXKD của Công ty trong thời gian tới:

3.1- Mục tiêu:

- Ổn định sản xuất.
- Mở rộng thị trường.
- Tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.
- Tăng thu nhập cho người lao động, tăng thu nhập cho các cổ đông của Công ty.

3.2- Phương hướng, nhiệm vụ SXKD:

a) Về sản xuất:

- Thiết bị trên dây chuyền đã được sử dụng từ 12 - 18 năm, vì vậy công tác bảo dưỡng duy tu cần được chú trọng, các công đoạn trên 2 dây chuyền sản xuất luôn tuân thủ nghiêm ngặt lịch xich bảo dưỡng, kịp thời dự phòng và thay thế phụ tùng thiết bị và lập nhật ký theo dõi chặt chẽ các hạng mục phụ tùng thiết bị nhằm khai thác tối đa tốc độ máy móc thiết bị trên toàn dây chuyền sản xuất.

- Nhà máy sản xuất sẵn sàng linh hoạt cơ cấu & chuyển đổi mặt hàng theo đơn hàng, ứng phó với đơn hàng nhằm giảm thiểu rủi ro, thiệt hại khi đơn hàng bị hủy.

- Lựa chọn thông số công nghệ hợp lý, chú trọng công tác vệ sinh để đảm bảo giữ ổn định chất lượng sợi.

- Quản trị chi phí sản xuất chặt chẽ nhằm tăng lợi nhuận.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc và chú trọng vai trò các cấp quản lý.
- Tăng thu nhập và thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội cho tất cả người lao động.

b) Về thị trường tiêu thụ:

- Ngoài việc duy trì các thị trường truyền thống (Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines, Châu Âu, nội địa, ..), Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm và phát triển thêm các khách hàng ở thị trường mới, tránh việc quá phụ thuộc vào 01 thị trường nhất định nhằm ngăn chặn kịp thời những rủi ro có thể xảy đến.

- Xoay chuyển mặt hàng theo đơn hàng nhằm đảm bảo mục tiêu tiêu thụ, kể cả các đơn hàng có yêu cầu khác biệt.

- Khai thác tối đa năng lực sợi chải kỹ và sợi sản xuất từ bông BCI & xơ Polyester tái chế ... đang trở thành xu thế của thị trường thế giới, có giá bán tốt hơn so với các mặt hàng khác, đảm bảo phục vụ các chuỗi cung ứng Sợi-Dệt-Nhuôm-May và làm tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

- Tập trung ưu tiên phát triển đơn hàng xuất khẩu tại chỗ, xuất hàng không bị ảnh hưởng về cước phí vận chuyển, tiến độ được bảo đảm.

- Chú trọng thương lượng với các hãng vận tải đường biển, có kế hoạch kết hợp hàng nhập với hàng xuất để dành sẵn container rộng sử dụng cho hàng sợi xuất khẩu của Công ty.

- Tập trung vào các thị trường tiềm năng, cung cấp chủ yếu cho khách hàng sử dụng trực tiếp nhằm duy trì đơn hàng ổn định và giá cả tương đối tốt hơn so với giá thị trường.

- Tìm kiếm thị trường để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm của nhà máy 3 vạn cọc mới.

- Tiếp cận thêm các thị trường với phương thức bán hàng/chào hàng online do dịch bệnh Covid-19 hạn chế việc đi lại giao dịch trong nước và nước ngoài, ...

c) Về con người:

- Liên tục đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân bảo trì, công nhân đứng máy, các kỹ sư chuyên ngành có khả năng tiếp thu nhanh nhạy các công nghệ mới, nắm rõ dây chuyền sản xuất nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu SXKD ngày càng cao.

- Chú trọng nâng cao trình độ và vai trò quản lý của các cấp quản lý.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc.

d) Về công tác phòng chống dịch Covid-19:

Công ty luôn quan tâm theo dõi tình hình diễn biến của đại dịch Covid-19 và tiếp tục quán triệt, đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, tuyệt đối không chủ quan, lơ là. Toàn thể CBCNV Công ty phải luôn ở trong trạng thái chủ động phòng chống dịch bệnh.

e) Về tài chính:

- Không có nợ khó đòi.

- Dòng tiền hoạt động tốt.

- Duy trì tồn kho hợp lý.

- Sử dụng vốn vay hiệu quả.

IV/ Công tác đầu tư:

1- Về đầu tư bổ sung máy móc thiết bị:

a) Đầu Quý II/2020: Công ty đã đầu tư mới, lắp đặt và đưa vào sử dụng 02 máy Đậu sợi PEASS, chập 2 sợi, 56 cọc/máy và 12 máy Xe sợi VOLKMANN, 180 cọc/máy; đồng thời, Công ty đã thanh lý 01 máy Đậu sợi và 13 máy Se sợi đã qua sử dụng nhiều năm, hoạt động với hiệu suất thấp.

b) Trong Quý II/2021 – Quý III/2021: Công ty sẽ đầu tư bổ sung và đưa vào vận hành khai thác tại Nhà máy Sợi hiện hữu, gồm: 02 máy Sợi Thô (144 cọc/máy) và 01 máy Đánh Ống tự động có bộ cắt lọc loại xơ ngoại lai (60 cọc/máy), mới 100%. Giá trị tổng mức đầu tư (đã bao gồm thuế và chi phí khác): khoảng 8,6 tỷ đồng.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện các thủ tục theo quy định; dự kiến sẽ đưa các máy trên vào hoạt động sản xuất trong khoảng đầu Quý IV/2021.

2- Về Dự án đầu tư 01 nhà máy kéo sợi mới 30.240 cọc sợi tại Công ty:

- Về công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu:

+ Đã hoàn thành mời thầu theo phê duyệt của HĐQT Công ty, tổ chức lựa chọn và ký kết hợp đồng toàn bộ các gói thầu cần thiết cho dự án là 32/35 gói thầu, với mức tiết kiệm qua đấu thầu đạt khoảng 9,5 tỷ đồng so với tổng giá trị các gói thầu đã phát hành. Mức tiết kiệm này bổ sung cho nguồn dự phòng, đảm bảo cho các chi phí phát sinh không lường trước được, như phí trượt tỷ giá trong thời gian qua.

+ Trong số 03 gói thầu còn lại (gồm: hạng mục Trạm lạnh; hạng mục Đường ống hơi khí nén và hạng mục Dịch vụ vận chuyển nội địa) thì chỉ thực hiện hạng mục Cung cấp dịch vụ vận chuyển nội địa theo hình thức thanh toán trực tiếp theo từng đợt lô hàng về; Đối với 02 gói thầu còn lại: do Trạm lạnh (7,4 tỷ đồng) là chưa cần thiết thực hiện tại dự án trong giai đoạn này và Hệ thống đường ống hơi khí nén (2,2 tỷ đồng) đã được ghép thực hiện chung trong gói thầu khác, cho nên tổng chi phí đầu tư ước giảm thêm 9,6 tỷ đồng.

Như vậy, tổng giá trị giảm khoảng 19,1 tỷ đồng sẽ được bổ sung cho chi phí dự phòng khối lượng phát sinh và trượt giá (Theo ước tính, chênh lệch chi phí phát sinh và trượt giá từ thời điểm mở thầu cho đến thời điểm báo cáo là 15,5 tỷ đồng)

- Về xây dựng nhà xưởng sản xuất chính 2 tầng và các hạng mục phụ trợ: Đã hoàn thành phần xây dựng chính và tiếp tục thực hiện các hạng mục hoàn thiện, phụ trợ để bàn giao cho công tác lắp đặt thiết bị. Phần xây dựng cơ bản hoàn thành nhưng chưa đáp ứng tiến độ tối đa như dự kiến do cần thực hiện đảm bảo phần sơn nền bằng Epoxy hoàn thiện trước khi lắp máy cũng như hạn chế về mặt bằng thi công.

- Về lắp đặt dây chuyền máy móc thiết bị chính: Đã lắp đặt hoàn chỉnh khoảng 80% – 90% dây chuyền máy móc thiết bị chính theo trình tự:

+ Dây cung Bông Cotton và 02 máy Loại xơ ngoại lai model Scan T-Scan TS-T3 của Trutzschler;

+ 12 máy Chải Thô Trutzschler model TC19i;

+ 04 máy Ghép thường Rieter model SB-D26 có 2 đầu ra;

+ 01 máy Cuộn cúi Rieter model E36 và 06 máy Chải kỹ Rieter model E86;

+ 06 máy Ghép tự động Rieter model RSB-D50 có 1 đầu ra;

+ 06 máy Sợi Thô đổ sợi tự động (180 cọc/máy) model CMT 1801;

+ 01 hệ thống Line thô tự động model CMT 1800;

+ 21 máy Sợi Con Rieter model G32 đổ sợi tự động (1.440 cọc/máy);

+ 21 máy Đánh ống tự động Murata model QPRO EX, loại link con ống (28 cọc/32 khung/máy).

- Tính đến thời điểm hiện tại, dự án đã hoàn thành 417 tỷ đồng/455 tỷ đồng tổng giá trị hợp đồng (đạt khoảng 92%); Trong đó:

+ Đã thực hiện giải ngân là 197,42 tỷ đồng (tương ứng 43%), bao gồm: Vốn tự có của Công ty: 90,14 tỷ đồng và Vốn vay ngân hàng thương mại: 107,28 tỷ đồng.

+ Chi phí còn lại khoảng 220 tỷ đồng chủ yếu là do trả chậm: phần thiết bị khoảng 180 tỷ đồng và giá trị dở dang khoảng 40 tỷ đồng đang quyết toán của 19 gói thầu còn lại.

- Về các thiết bị, vật tư công nghệ phụ trợ khác (gồm: *Thiết bị làm sạch bông-xơ di động trên máy sợi con; Hệ thống Link kết nối giữa máy đánh ống và máy sợi con; Thùng cúi các loại; Ống lõi sợi thô và Ống lõi sợi con; ..v.v..*): các đơn vị cung cấp nước ngoài giao hàng chậm trễ do đang gặp nhiều khó khăn trong vấn đề thuê vận tải hàng hóa xuất khẩu gây ra bởi tình trạng thiếu hụt container rỗng đang xảy ra ngày càng trầm trọng trên thế giới.

- Về tuyển dụng, đào tạo nhân lực: Đã tuyển dụng và đào tạo khoảng 130 công nhân bảo trì và công nhân công nghệ, đảm bảo phục vụ công tác lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành

khai thác hoạt động sản xuất theo từng công đoạn khi nhà máy kéo sợi mới đi vào hoạt động khai thác sản xuất.

- Kế hoạch vận hành chạy thử đồng bộ dây chuyền kéo sợi mới 30.240 cọc sợi: khoảng tháng 06/2021.

- Sản phẩm chủ yếu: Các mặt hàng sợi đơn thành phẩm 100% Cotton chải kỹ và chải thô, chỉ số bình quân Ne30, có chất lượng cao.

- Về hồ sơ pháp lý:

Do quá trình thực hiện Dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty CP Sợi Phú Bài trong năm 2020 chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi từ các tình huống bất khả kháng (đại dịch Covid-19, bão lụt, ...), Hội đồng quản trị đã nhất trí giao Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

+ Gia hạn tiến độ thực hiện lắp đặt thiết bị, vận hành chạy thử cho đến ngày 30/09/2021.

+ Thực hiện thủ tục xin cấp Điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đầu tư: Gia hạn tiến độ thực hiện dự án đầu tư thêm 06 tháng: từ Quý II/2019 – Quý I/2021 được điều chỉnh thành từ Quý II/2019 – Quý IV/2021.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung đã trình bày trên.

Trân trọng cảm ơn!

* **Nơi nhận:**

- Các Cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, KT-TC.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty CP Sợi Phú Bài, tôi xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về **Kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021** của Hội đồng quản trị Công ty. Cụ thể như sau:

I/ Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020:

1- Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty: gồm 03 thành viên

- 1- Ông Cao Hữu Hiếu – Chủ tịch HĐQT
- 2- Ông Bùi Nguyên Tiến – Ủy viên HĐQT
- 3- Bà Trần Thị Kim Chi – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

2- Thông tin về Thành viên HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	09/06/2016	29/05/2020
2	Ông Cao Hữu Hiếu	Chủ tịch HĐQT	29/05/2020	
3	Ông Bùi Nguyên Tiến	Ủy viên HĐQT	09/06/2016	
4	Bà Trần Thị Kim Chi	Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc	09/06/2016	

3- Hoạt động của HĐQT năm 2020:

3.1- Các cuộc họp HĐQT: 09 cuộc họp

3.2- Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản: Không có

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Tiến Trường	06	100%	
2	Ông Cao Hữu Hiếu	03	100%	
3	Ông Bùi Nguyên Tiến	09	100%	
4	Bà Trần Thị Kim Chi	09	100%	

- Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm 2020, các Thành viên HĐQT Công ty đã biểu quyết thông qua các nội dung Biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định,... tại các cuộc họp Hội đồng

quản trị được tổ chức trực tiếp, trao đổi và thống nhất bằng hình thức trực tuyến hoặc lấy ý kiến qua email với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Các thành viên HĐQT Công ty có sự đồng thuận cao. Nhìn chung, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn được tăng cường.

- Có thể nói hoạt động của HĐQT trong năm 2020 đã đạt được những kết quả tương đối khả quan.

❖ Các hoạt động chính:

- a) Chỉ đạo, tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- b) Chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc và các người điều hành khác trong Công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- c) Chỉ đạo Cơ quan Điều hành Công ty chú trọng thực hiện công tác Phòng Chống dịch Covid-19.
- d) Chỉ đạo và tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng quý hoặc đột xuất theo chuyên đề hoặc theo văn bản trình của Cơ quan Điều hành Công ty nhằm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty tại mỗi thời điểm; Qua đó, HĐQT Công ty ban hành các Quyết định và Nghị quyết để kịp thời chỉ đạo, định hướng Cơ quan Điều hành Công ty triển khai thực hiện tốt hơn công tác điều hành quản lý mọi mặt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Công tác duy tu bảo dưỡng, thay thế và dự phòng các loại phụ tùng, vật tư, linh phụ kiện trên máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất tại Nhà máy kéo sợi hiện hữu; Công tác đầu tư bổ sung thay thế mới một số máy móc thiết bị; Công tác xây dựng cơ bản; Công tác tổ chức - nhân sự; ..v.v..). Các Nghị quyết và Quyết định đã ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận cao của các Thành viên HĐQT Công ty và theo đúng thẩm quyền, đúng quy định của Điều lệ Công ty, kịp thời phù hợp với tình hình thực tế hoạt động và hỗ trợ tích cực cho Cơ quan điều hành trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.
- e) Tổ chức các cuộc họp liên quan đến “Dự án Đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty CP Sợi Phú Bài” để kịp thời chỉ đạo và giải quyết các vấn đề liên quan để dự án được tiến hành một cách thuận lợi và đúng tiến độ.

Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 12 Nghị quyết / Quyết định sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 91/NQ-HĐQT	06/03/2020	1- Thông qua chủ trương Công ty tạm ứng cổ tức năm 2019 cho các cổ đông hiện hữu bằng tiền là 8%/Vốn điều lệ (50 tỷ đồng); 2- Giao Bà Trần Thị Kim Chi – UV. Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông và các văn bản thủ tục cần thiết khác có liên quan	100%

			đến việc tạm ứng cổ tức	
2	Nghị quyết số 108/NQ-HĐQT	18/03/2020	Xử lý số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không đặt mua hết trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Công ty cổ phần Sợi Phú Bài theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, số 01/GCN-UBCK ngày 02/01/2020	100%
3	Nghị quyết số 119/NQ-HĐQT	24/03/2020	Thông qua Kế hoạch tổ chức phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty	100%
4	Nghị quyết số 134/NQ-HĐQT	06/04/2020	Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, số 01/GCN-UBCK ngày 02/01/2020	100%
5	Nghị quyết số 143/QĐ-HĐQT	22/04/2020	Công ty tăng Vốn điều lệ Công ty từ 50 tỷ đồng lên thành 95 tỷ đồng, thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và sửa đổi Điều 5 trong Điều lệ Công ty.	100%
6	Nghị quyết số 144/QĐ-HĐQT	22/04/2020	Thông qua chủ trương kéo dài thời hạn nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Công ty đối với Bà Trần Thị Kim Chi cho đến năm 2022 cho phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty (nhiệm kỳ IV: 2017 – 2022)	100%
7	Nghị quyết số 145/QĐ-HĐQT	22/04/2020	HĐQT giao Bà Trần Thị Kim Chi thực hiện tất cả thủ tục vay vốn với ngân hàng, ...	100%
8	Nghị quyết số 167/NQ-HĐQT	13/05/20	1- Thông qua Nội dung phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty; 2- HĐQT giao Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc Công ty, Cán bộ điều hành quản lý có liên quan trong Công ty chịu trách	100%

			<p>nhiệm báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.</p> <p>3- Thông qua chủ trương: Công ty dừng hoạt động Văn phòng đại diện Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</p>	
9	Nghị quyết số 248/NQ-HĐQT	11/08/20	Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động SXKD và đầu tư trong 06 tháng đầu năm 2020; Phương hướng, nhiệm vụ SXKD và đầu tư trong 06 tháng cuối năm, ước thực hiện cả năm 2020 của Công ty	100%
10	Nghị quyết số 335/NQ-HĐQT	30/11/20	Thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động SXKD và đầu tư trong 09 tháng năm 2020; Ước thực hiện cả năm 2020 của Công ty	100%
11	Nghị quyết số 370/NQ-HĐQT	31/12/20	Thông qua chủ trương: Công ty đầu tư bổ sung 02 máy Sợi Thô và 01 máy Đánh Ống tự động trong năm 2020 – 2021	100%
12	Nghị quyết số 352/NQ-HĐQT	21/12/20	<p>1- Thông qua Định hướng tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 và Phân phối lợi nhuận lũy kế sau thuế (LNST) năm 2020 của Công ty;</p> <p>2- Chấp thuận việc Công ty chuẩn bị, triển khai kế hoạch tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chậm nhất vào cuối tháng 04/2021 (sau khi có Báo cáo Tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán)</p>	100%

4- Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2020:

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc (TGD) và Cơ quan Điều hành (CQĐH) được thể hiện một cách chặt chẽ, định kỳ theo Điều lệ tổ

chức và hoạt động Công ty. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với TGD và CQĐH được thể hiện như sau:

Tại các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị đều yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, khả năng đạt kế hoạch ĐHĐCĐ giao, tình hình triển khai dự án đầu tư, công tác đào tạo quản lý nguồn nhân lực, các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính, nghiên cứu thị trường, công tác kiểm soát nội bộ; đề xuất kế hoạch, giải pháp cho những quý tiếp theo.

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, để từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ TGD và CQĐH hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao. HĐQT thường xuyên trao đổi với TGD và CQĐH nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu, kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

Trong Hội đồng quản trị có thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, do vậy luôn đảm bảo sự giám sát của Hội đồng quản trị trong hoạt động điều hành.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGD và CQĐH đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các cổ đông. TGD và CQĐH đã nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua, thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị công ty cũng như vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

5. Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị năm 2020

Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

II/ Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021:

1- Thực hiện đúng và đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Pháp luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2- Tăng cường mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và các cổ đông, giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc cũng như Cơ quan điều hành/Phòng Ban-trong Công ty.

3- Tổ chức tốt phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các người điều hành khác trong Công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

4- Tổ chức cuộc họp HĐQT hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT theo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, để Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết/Quyết định thông qua các nội dung chuyên đề hoặc thông qua nội dung văn bản do Ban Tổng Giám đốc Công ty trình xin ý kiến của HĐQT Công ty.

5- Tiếp tục chỉ đạo Cơ quan điều hành: duy trì ổn định hoạt động SXKD; tập trung đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị theo hướng tự động hóa cao, hiện đại, phù hợp với

cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến với thiết bị hiện đại; nâng cấp hệ thống quản trị thông tin.

6- Chỉ đạo và giám sát Cơ quan Điều hành Công ty để quản trị tốt dòng tiền, giảm thiểu rủi ro tài chính, xây dựng giải pháp, chiến lược huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty.

7- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát CQĐH trong quá trình triển khai thực hiện, khai thác Dự án “Đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài”.

8- Tiếp tục chỉ đạo Công ty đẩy mạnh công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường; Tiếp tục gìn giữ và phát triển thương hiệu “Sợi Phú Bài” ngày càng bền vững, có uy tín hơn nữa trên thị trường trong nước và quốc tế, đẩy mạnh công tác thị trường theo hướng chuyên môn hóa.

9- Yêu cầu Công ty chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo nhằm kiện toàn bộ máy điều hành quản lý và các đơn vị trong Công ty theo hướng tinh gọn, phù hợp với sự phát triển của Công ty; Quan tâm chăm lo tốt đời sống an sinh xã hội ngày càng tốt hơn cho toàn thể CBCNV Công ty; Tuân thủ thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật về Vệ sinh An toàn Lao động và Phòng chống cháy nổ.

Kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung đã trình bày trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, KT-TC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CAO HỮU HIẾU





Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đầu tư số 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009

**Giấy chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số** 3300352720 ngày 4 tháng 5 năm 2020

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300352720 ngày 4 tháng 5 năm 2020 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp và Giấy chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Cao Hữu Hiếu	Chủ tịch <i>(từ ngày 30 tháng 5 năm 2020)</i>
	Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch <i>(đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)</i>
	Ông Bùi Nguyên Tiến	Thành viên
	Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên

Ban Giám đốc	Bà Trần Thị Kim Chi	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Đình Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Quê Hương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Phú Bài
Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Chi nhánh Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên
Km 35, Quốc lộ 1, Thị trấn Phú Xuyên
Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00398-21-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		342.095.524.969	216.408.407.110
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.690.679.789	4.159.518.730
Tiền	111		2.690.679.789	4.159.518.730
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168.541.519.778	100.596.333.087
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	34.669.458.666	39.497.015.532
Trả trước cho người bán	132	7	53.470.988.293	15.642.634.501
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	80.401.072.819	45.456.683.054
Hàng tồn kho	140	9	152.692.606.462	105.042.889.464
Hàng tồn kho	141		152.692.606.462	105.042.889.464
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.170.718.940	6.609.665.829
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.740.371.413	1.069.463.643
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.315.920.434	5.540.202.186
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		114.427.093	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		241.041.938.298	38.875.818.243
Tài sản cố định	220		38.259.420.875	32.212.780.233
Tài sản cố định hữu hình	221	10	38.259.420.875	32.212.780.233
Nguyên giá	222		439.169.918.970	427.893.095.636
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(400.910.498.095)	(395.680.315.403)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		216.000.000	216.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.000.000)	(216.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		199.776.093.433	3.765.556.959
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	199.776.093.433	3.765.556.959
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.075.000.000	1.075.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.075.000.000)	(1.075.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		3.006.423.990	2.897.481.051
Chi phí trả trước dài hạn	261		950.942.477	399.615.507
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.055.481.513	2.497.865.544
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		583.137.463.267	255.284.225.353

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		426.420.147.310	164.170.585.073
Nợ ngắn hạn	310		241.179.612.068	157.665.982.273
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	88.332.340.048	22.493.153.246
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.491.200.496	1.748.955.739
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	168.635.668	362.915.487
Phải trả người lao động	314		10.880.254.352	8.275.737.981
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.507.321.345	2.938.548.537
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	8.839.543.421	10.284.131.633
Vay ngắn hạn	320	18(a)	119.186.608.511	102.634.007.972
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	8.773.708.227	8.928.531.678
Nợ dài hạn	330		185.240.535.242	6.504.602.800
Phải trả người bán dài hạn	331	14	162.314.525.145	-
Vay dài hạn	338	18(b)	22.926.010.097	6.504.602.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		156.717.315.957	91.113.640.280
Vốn chủ sở hữu	410	20	156.717.315.957	91.113.640.280
Vốn cổ phần	411	21	95.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	24.289.216.000	289.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	30.197.063.731	29.383.275.456
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		360.000	5.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.230.676.226	6.441.364.824
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.230.676.226	6.441.364.824
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		583.137.463.267	255.284.225.353

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	718.019.437.586	786.132.598.550
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	660.726.315.771	727.596.541.430
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		57.293.121.815	58.536.057.120
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	8.430.685.213	5.709.349.458
Chi phí tài chính	22	28	8.499.970.872	6.254.287.717
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.839.781.343	4.283.963.998
Chi phí bán hàng	25	29	31.147.967.182	33.256.935.539
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	18.269.793.794	16.494.705.391
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.806.075.180	8.239.477.931
Thu nhập khác	31		1.839.150.324	212.623.163
Chi phí khác	32		586.592.340	431.388.310
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.252.557.984	(218.765.147)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.058.633.164	8.020.712.784
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	1.385.572.907	839.410.362
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	442.384.031	739.937.598
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.230.676.226	6.441.364.824
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	658	875

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
Trưởng phòng Kế toán



Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		9.058.633.164	8.020.712.784
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		9.351.175.541	9.684.838.275
Các khoản dự phòng	03		-	(7.140.804.391)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.697.382.173	28.157.557
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.014.843.743)	(2.034.580.877)
Chi phí lãi vay	06		4.839.781.343	4.283.963.998
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		21.932.128.478	12.842.287.346
Biến động các khoản phải thu	09		(41.059.167.307)	15.944.544.370
Biến động hàng tồn kho	10		(47.649.716.998)	79.587.238.942
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		64.755.910.496	(16.939.613.125)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.222.234.740)	(672.289.067)
			(3.243.080.071)	90.762.168.466
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.807.704.242)	(4.401.602.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.589.410.362)	(759.521.886)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.782.400.000)	(1.424.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.422.594.675)	84.176.643.889
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(86.014.895.162)	(32.205.280.199)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.032.794.975	1.750.792.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.982.100.187)	(30.454.487.566)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		64.000.576.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		570.934.310.426	574.728.027.365
Tiền trả nợ gốc vay	34		(537.999.385.804)	(613.071.798.598)
Tiền trả cổ tức	36		(4.000.000.000)	(20.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		92.935.500.622	(58.343.771.233)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.469.194.240)	(4.621.614.910)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		4.159.518.730	8.788.696.745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		355.299	(7.563.105)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	2.690.679.789	4.159.518.730

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài và Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 754 nhân viên (1/1/2020: 728 nhân viên).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công và bán các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, gia công và bán các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Công ty có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam
- Hàn Quốc;
- Nhật Bản;
- Thổ Nhĩ Kỳ; và
- Các vùng địa lý khác.

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Tổng cộng VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Tổng doanh thu của bộ phận	128.128.919.501	311.451.105.103	82.221.390.779	35.595.273.420	160.622.748.783	718.019.437.586
Kết quả kinh doanh của bộ phận	8.969.024.366	30.055.031.642	7.959.030.627	1.256.513.152	9.053.522.028	57.293.121.815
Chi phí không phân bổ (thuần)						(49.487.046.635)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						7.806.075.180
Thu nhập khác						1.839.150.324
Chi phí khác						(586.592.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(1.827.956.938)
Lợi nhuận thuần sau thuế						7.230.676.226

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Tổng cộng VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Tổng doanh thu của bộ phận	121.416.993.806	239.647.068.736	125.455.796.505	90.173.987.808	209.438.751.695	786.132.598.550
Kết quả kinh doanh của bộ phận	7.953.329.541	23.120.849.892	12.145.897.475	3.186.296.382	12.129.683.830	58.536.057.120
Chi phí không phân bổ (thuần)						(50.296.579.189)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						8.239.477.931
Thu nhập khác						212.623.163
Chi phí khác						(431.388.310)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(1.579.347.960)
Lợi nhuận thuần sau thuế						6.441.364.824

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Tài sản của bộ phận	53.401.952.153	22.936.622.813	3.292.951.609	-	8.508.920.384	88.140.446.959
Tài sản không phân bổ						494.997.016.308
Tổng tài sản						583.137.463.267
Nợ phải trả không phân bổ						426.420.147.310
Tổng nợ phải trả						426.420.147.310

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam VND	Hàn Quốc VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Tài sản của bộ phận						55.091.861.529
Tài sản không phân bổ	14.558.586.871	18.965.494.196	9.969.792.891	4.000.228.224	7.597.759.347	200.192.363.824
Tổng tài sản						255.284.225.353
Nợ phải trả không phân bổ						164.170.585.073
Tổng nợ phải trả						164.170.585.073

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	108.005.633	278.825.736
Tiền gửi ngân hàng	2.582.674.156	3.880.692.994
	<hr/>	<hr/>
	2.690.679.789	4.159.518.730

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Toyoshima & Co., Ltd.	2.808.133.043	6.880.175.393
Ilshin Spinning Co., Ltd.	873.509.314	4.567.905.730
Color and Touch Co., Ltd.	9.439.233.696	-
Các khách hàng khác	21.548.582.613	28.048.934.409
	<hr/>	<hr/>
	34.669.458.666	39.497.015.532

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020, toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty (Thuyết minh 18(a)).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	38.230.196.235	5.000.000.000
Công ty TNHH Hiệp Thành	3.997.526.450	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật cơ điện Trường Thành	3.483.880.140	-
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật và Xây dựng Miền Trung	2.321.380.739	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Ân	1.425.000.000	-
Chino Machinery International Limited	-	2.761.647.444
Paul Reinhart AG	17.480.924	60.442.093
Khác	3.995.523.805	2.020.544.964
	53.470.988.293	15.642.634.501

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu người lao động	122.033.045	127.033.045
Ký cược, ký quỹ (*)	74.000.000.000	44.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	515.759.427	533.710.659
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	5.204.242.815	-
Phải thu khác	559.037.532	795.939.350
	80.401.072.819	45.456.683.054

(*) Ký quỹ, ký cược bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng để đảm bảo cho việc mở thư tín dụng của Công ty và được hưởng lãi suất năm từ 3,1% đến 5,1% (1/1/2020: từ 4,1% đến 5,3%). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, có một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2.000 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2020: 2.000 triệu VND) (Thuyết minh 18(a)).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	72.764.608.485	-	18.277.828.600	-
Nguyên vật liệu	59.162.484.866	-	57.739.820.386	-
Công cụ và dụng cụ	863.636	-	519.800	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.030.447.893	-	14.595.674.562	-
Thành phẩm	11.734.201.582	-	14.429.046.116	-
	<hr/>		<hr/>	
	152.692.606.462	-	105.042.889.464	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2020: không có).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hàng tồn kho 152.692 triệu VND (1/1/2020: 105.042 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	43.599.767.925	361.462.455.169	22.521.943.650	308.928.892	427.893.095.636
Tăng trong năm	825.740.909	14.415.075.274	157.000.000	-	15.397.816.183
Xóa số	-	(4.120.992.849)	-	-	(4.120.992.849)
Số dư cuối năm	44.425.508.834	371.756.537.594	22.678.943.650	308.928.892	439.169.918.970
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	39.069.122.341	335.837.206.455	20.520.143.445	253.843.162	395.680.315.403
Khấu hao trong năm	492.326.358	7.633.926.795	1.209.530.941	15.391.447	9.351.175.541
Xóa số	-	(4.120.992.849)	-	-	(4.120.992.849)
Số dư cuối năm	39.561.448.699	339.350.140.401	21.729.674.386	269.234.609	400.910.498.095
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	4.530.645.584	25.625.248.714	2.001.800.205	55.085.730	32.212.780.233
Số dư cuối năm	4.864.060.135	32.406.397.193	949.269.264	39.694.283	38.259.420.875

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 352.546 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 357.067 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 10.337 triệu VND (1/1/2020: 13.194 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(b)).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020	2019
	VND	VND
Số đầu năm	3.765.556.959	3.765.556.959
Tăng trong năm	196.010.536.474	-
Số cuối năm	<u>199.776.093.433</u>	<u>3.765.556.959</u>

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020 thể hiện giá trị của dự án đầu tư Nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 199.776 triệu VND (1/1/2020: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 62 triệu VND (2019: không có).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với:		
▪ Chi phí phải trả và các khoản khác	2.055.481.513	2.497.865.544

14. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Maschinenfabrik Rieter Ag	145.969.349.838	-
Saurer Technologies GmbH & Co. Kg Twisting Solutions	16.345.175.307	-
Cam Negoce Division Coton	18.732.940.306	9.202.163.329
Devcot SA	9.895.992.108	585.862.863
Toyo Cotton Company	8.055.605.000	-
Osc Cotton Trading Llc	7.785.150.250	-
Glencore Agriculture B.V	7.647.635.309	111.511.182
R1 International Pte Ltd	5.781.695.750	-
Tainan Spinning Co, Ltd	4.738.645.800	-
Fujian Jinlun Fiber Shareholding Company Limited	3.910.659.610	-
Tvc International Enterprise Co., Ltd.	2.928.642.591	3.180.094.080
Engelhart CTP (Singapore) Pte.Ltd.	32.655.844	32.676.939
Các nhà cung cấp khác	18.822.717.480	9.380.844.853
	250.646.865.193	22.493.153.246

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	88.332.340.048	22.493.153.246
Dài hạn	162.314.525.145	-
	250.646.865.193	22.493.153.246

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt may Huế	-	299.575.545
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8-3	106.278.532	-
	<u>106.278.532</u>	<u>299.575.545</u>

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	132.883.603	15.581.431.047	(15.563.993.542)	150.321.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.410.362	1.385.572.907	(1.474.983.269)	-
Thuế thu nhập cá nhân	140.621.522	304.978.285	(427.285.247)	18.314.560
Thuế nhập khẩu	-	625.472.814	(625.472.814)	-
Thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
	<u>362.915.487</u>	<u>17.902.455.053</u>	<u>(18.096.734.872)</u>	<u>168.635.668</u>

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	114.427.093	-	114.427.093

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Lãi vay phải trả	89.874.350	57.797.249
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	212.744.023	212.744.023
Tiền điện	320.892.724	1.121.064.000
Chi phí khác	883.810.248	1.546.943.265
	<hr/>	<hr/>
	1.507.321.345	2.938.548.537
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền thưởng kết quả công việc phải trả	6.971.271.668	8.248.810.455
Kinh phí công đoàn	708.917.230	582.144.302
Đặt cọc dự thầu xây dựng nhà máy sợi	680.000.000	722.000.000
Các khoản phải trả khác	479.354.523	731.176.876
	<hr/>	<hr/>
	8.839.543.421	10.284.131.633
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		1/1/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND		
	Vay ngắn hạn	100.033.518.012	551.906.292.372	(535.452.762.307)	116.526.131.291
	Vay dài hạn đến thời hạn trả (Thuyết minh 18(b))	2.600.489.960	2.606.610.757	(2.546.623.497)	2.660.477.220
		102.634.007.972	554.512.903.129	(537.999.385.804)	119.186.608.511

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) (i)	USD	3,50 %	49.316.212.536	36.039.094.710
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (i)	USD	3,20 %	3.852.711.023	3.928.285.920
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) (i)	USD	3,7 %	35.274.781.827	44.200.710.366
Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	3,8 %	-	15.865.427.016
Các khoản vay từ Ngân hàng đầu tư và phát triển BIDV (i)	USD	2,4% -3,9%	28.082.425.905	-
			116.526.131.291	100.033.518.012

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngân hàng khác, hàng tồn kho và xây dựng cơ bản dở dang (các Thuyết minh 6, 8, 9 và 11).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	25.586.487.317	9.105.092.760
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.660.477.220)	(2.600.489.960)
	<hr/> 22.926.010.097	<hr/> 6.504.602.800

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay từ Vietcombank	VND	8,3%-9,6%	2021-2024	22.808.810.632	6.908.387.940
Các khoản vay từ Vietcombank	USD	6,8%	2024	2.021.310.222	1.406.204.820
Các khoản vay từ Viettinbank	VND	9,2%	2021-2024	756.366.463	790.500.000
				<hr/> 25.586.487.317	<hr/> 9.105.092.760

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh 10).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	8.928.531.678	6.809.322.807
Trích lập trong năm	1.627.576.549	3.543.608.871
Sử dụng trong năm	(1.782.400.000)	(1.424.400.000)
	<hr/> 8.773.708.227	<hr/> 8.928.531.678

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	50.000.000.000	289.000.000	22.247.373.238	-	35.679.511.089	108.215.884.327
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	6.441.364.824	6.441.364.824
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.543.608.871)	(3.543.608.871)
Phân bổ vào các quỹ (*)	-	-	7.135.902.218	5.000.000.000	(12.135.902.218)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2020	50.000.000.000	289.000.000	29.383.275.456	5.000.000.000	6.441.364.824	91.113.640.280
Phát hành cổ phiếu (*)	40.000.360.000	24.000.216.000	-	-	-	64.000.576.000
Tăng vốn cổ phần bằng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	4.999.640.000	-	-	(4.999.640.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	7.230.676.226	7.230.676.226
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.627.576.549)	(1.627.576.549)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	813.788.275	-	(813.788.275)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	95.000.000.000	24.289.216.000	30.197.063.731	360.000	7.230.676.226	156.717.315.957

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147/BB-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2019, Công ty có kế hoạch chia cổ tức năm 2018 cho các cổ đông bằng cổ phiếu trị giá 5.000.000.000 VND (tương đương 500.000 cổ phiếu theo mệnh giá) và chào bán 4.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 16.000 VND/cổ phiếu. Kế hoạch tặng vốn này được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận vào ngày 2 tháng 1 năm 2020; do đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị của cổ tức bằng cổ phiếu năm 2018 được ghi nhận là Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán 4.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, vốn cổ phần đã được ghi nhận tương ứng và phần cổ phiếu lẻ còn lại đã được chào bán thành công cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty. Trong tổng số 4.500.000 cổ phiếu phát hành thêm có 725.383 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 30 tháng 3 năm 2021.

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	9.500.000	95.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	95.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	95.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	Đã phát hành và đang lưu hành VND	%	Đã phát hành và đang lưu hành VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.115.313	51.153.130.000	53,85%	26.922.700.000
Công ty Cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Nghệ An	1.680.500	16.805.000.000	17,69%	-
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	256.920	2.569.200.000	2,70%	886.525
Ông Bùi Nguyễn Tiên	342.287	3.422.870.000	3,60%	3.111.700.000
Các cổ đông khác	2.104.980	21.049.800.000	22,16%	11.100.350.000
	9.500.000	95.000.000.000	100%	50.000.000.000

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	499.964	4.999.640.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong năm	4.000.036	40.000.360.000	-	-
Số dư cuối năm	9.500.000	95.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 4.000 triệu VND bằng tiền (2019: 20.000 triệu VND bằng tiền và 5.000 triệu VND bằng cổ phiếu).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	7.673.915.629	12.873.915.629
Trong vòng hai đến năm năm	10.283.662.516	12.551.662.516
Sau năm năm	21.892.876.663	23.125.257.138
	<hr/> 39.850.454.808	<hr/> 48.550.835.283

(b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	96.959.726.024	276.141.883.803
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	214.264.180.543	231.092.559.238
	<hr/> 311.223.906.567	<hr/> 507.234.443.041

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	65.752	1.514.595.024	105.819	2.439.144.240
EUR	372	10.401.258	194	4.997.776
		<u>1.524.996.282</u>		<u>2.444.142.016</u>

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2020 VND	2019 VND
Thành phẩm bán ra	685.070.665.366	763.048.866.012
Dịch vụ thương mại	31.973.722.354	22.393.317.050
Dịch vụ gia công	975.049.866	690.415.488
	<u>718.019.437.586</u>	<u>786.132.598.550</u>

26. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	629.780.006.535	713.366.329.795
Dịch vụ thương mại	30.890.021.434	22.393.666.050
Dịch vụ gia công	56.287.802	52.349.976
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(8.215.804.391)
	<u>660.726.315.771</u>	<u>727.596.541.430</u>



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	3.014.843.743	2.034.580.877
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.415.841.470	3.674.768.581
	<hr/> 8.430.685.213	<hr/> 5.709.349.458

28. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	4.839.781.343	4.283.963.998
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.634.039.912	867.166.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.697.382.173	28.157.557
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	1.075.000.000
Lãi thanh toán chậm mua tài sản cố định	328.767.444	-
	<hr/> 8.499.970.872	<hr/> 6.254.287.717

29. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí bao bì đóng gói	6.856.608.065	7.808.178.093
Chi phí hoa hồng môi giới	6.305.809.918	7.018.458.065
Chi phí vận chuyển	8.153.946.917	8.444.302.018
Chi phí chứng từ, khai hải quan	9.830.932.282	9.972.147.291
Chi phí bán hàng khác	670.000	13.850.072
	<hr/> 31.147.967.182	<hr/> 33.256.935.539

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	10.528.685.471	6.916.344.726
Chi phí khấu hao	1.444.148.212	1.946.444.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.054.341.171	2.953.550.645
Chi phí quản lý khác	3.242.618.940	4.678.365.875
	<hr/>	<hr/>
	18.269.793.794	16.494.705.391

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	472.265.739.424	549.260.971.015
Chi phí nhân viên	102.698.474.041	91.363.475.368
Chi phí khấu hao	9.351.175.541	9.684.838.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.919.847.459	116.920.423.317
Chi phí khác	10.648.769.079	13.545.424.807
	<hr/>	<hr/>

32. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.385.572.907	839.410.362
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	442.384.031	739.937.598
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	1.827.956.938	1.579.347.960

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.058.633.164	8.020.712.784
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.811.726.633	1.604.142.557
Chi phí không được khấu trừ thuế	373.295.549	311.363.529
Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(357.065.244)	(336.158.126)
	1.827.956.938	1.579.347.960

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020 (Số cổ phiếu)	2019 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 20)	499.964	500.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	3.013.726	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	8.513.690	5.500.000

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2020	2019 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	7.230.676.226	6.441.364.824
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.627.576.549)	(1.627.576.549)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	5.603.099.677	4.813.788.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	658	875

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc cùng ngày có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích cho năm 2019.

(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019. Theo đó, Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 1.627.576.549 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2019 (điều chỉnh lại)	2019 (theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	875	1.041



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Các cổ đông chính		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	51.809.524	20.000.000
Các công ty liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i>		
Mua dịch vụ	294.576.873	3.553.376.351
<i>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.564.616.847	7.800.000.000
<i>Công ty Cổ Phần Dệt may Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	690.415.488
<i>Công ty Cổ Phần Vinatex Phú Hưng</i>		
Mua hàng hóa	-	1.369.563.387
Bán hàng hóa và dịch vụ	80.452.015	17.334.125
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	870.623.025	899.257.000
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền thưởng	120.000.000	150.000.000
Thù lao	180.000.000	180.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương	50.000.000	100.000.000
Thù lao	120.000.000	120.000.000
Người quản lý khác		
Tiền lương, thưởng và thù lao	2.865.238.474	2.908.041.474

TT-Huế, ngày 23 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Sợi Phú Bài;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 136/NQ-DHĐCD 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sợi Phú Bài;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sợi Phú Bài bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều 29 Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng hiện tại của thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi Công ty niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán, phải yêu cầu có thành viên Hội đồng quản trị độc lập thì một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều 28 đến Điều 32 Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo khoản 4, Điều 27 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định ở Khoản 1, Điều này và không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác tại Công ty .

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều

kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị độc lập / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị độc lập / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và **khoản 3 Điều 31** Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

6. Người phụ trách quản trị Công ty : Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại khoản 4 **Điều 28** Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Khoản 5 **Điều 28** Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3, **Điều 28** Điều lệ Công ty.
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại **Điều 27** Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều 29 Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và khoản 3, **Điều 16** Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là (03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách

nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Hiện tại, Công ty đang có 03 thành viên Hội đồng quản trị. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên dự họp Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong **Điều 32** Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sợi Phú Bài bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
SỢI PHÚ BÀI

CAO HỮU HIỆU





CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
Từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tình hình sử dụng vốn	5
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn	6 - 7

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài công bố Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn (thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng) từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 (sau đây gọi tắt là “Báo cáo tình hình sử dụng vốn”).

Thông tin khái quát

Công ty cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300352720 ngày 30/01/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/04/2020. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại: (84) 0236. 3863240
- Fax: (84) 0236. 3863363
- Email: sales@phubaispinning.com
- Website: <http://www.phubaispinning.com.vn>

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất sợi. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh sợi, dệt vải, nguyên phụ liệu và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Sản xuất trong khu công nghiệp và các địa điểm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị ngành công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Thiết bị điện, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị ngành sợi, dệt, nhuộm;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nguyên phụ liệu: bông, xơ, sợi các loại và các sản phẩm ngành sợi, dệt, nhuộm;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất kinh doanh áo quần may sẵn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-----------------------|------------|
| • Ông Cao Hữu Hiếu | Chủ tịch |
| • Ông Bùi Nguyên Tiến | Thành viên |
| • Bà Trần Thị Kim Chi | Thành viên |

Ban Kiểm soát

- | | |
|--------------------------|------------|
| • Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi | Trưởng ban |
| • Ông Võ Hoàng Phụng | Thành viên |
| • Ông Nguyễn Ngọc Cách | Thành viên |

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| • Bà Trần Thị Kim Chi | Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Hồng Quân | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Trần Đình Hiệp | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Lê Thị Quê Hương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Hoàng Thái Trúc | Kế toán trưởng |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực và hợp lý.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình sử dụng vốn góp của các cổ đông ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn này tuân thủ cơ sở kế toán như mô tả tại thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2019 của Công ty thông qua.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Thị Kim Chi

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 658/2021/BC-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn (thu được của đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng) từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 (sau đây gọi tắt là “Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09/04/2021 đính kèm từ trang 5 đến trang 7.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn trên cơ sở giải ngân thực tế như mô tả tại thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình sử dụng vốn (của đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng) từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 trên cơ sở giải ngân thực tế như mô tả tại thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2019 của Công ty thông qua.

Vấn đề khác

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để cung cấp thông tin cho cổ đông Công ty, báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo này không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Quốc Hùng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4573-2018-010-1

0
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
TỪ NGÀY 29/04/2020 ĐẾN NGÀY 31/12/2020**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số tiền</u>
Vốn tăng từ phát hành cổ phiếu	3	69.000.216.000
Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020	4	69.000.216.000
Vốn chưa sử dụng		-

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Trần Thị Kim Chi

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 04 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn)

1. Kỳ báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập cho giai đoạn từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020.

2. Các chính sách kế toán áp dụng

Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh số vốn đã sử dụng, được ghi nhận trên cơ sở giải ngân thực tế (tiền thực chi) và được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Vốn tăng từ phát hành cổ phiếu

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/04/2019 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động và vốn đối ứng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Thông tin chung về đợt phát hành:

• Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

- Tên giấy tờ có giá : Cổ phiếu phổ thông
- Loại đồng tiền : Đồng Việt Nam (VND)
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 500.000 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành : 5.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:1, số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

• Chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Tên giấy tờ có giá : Cổ phiếu phổ thông
- Loại đồng tiền : Đồng Việt Nam (VND)
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 4.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng
- Giá chào bán : 16.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành : 64.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: cổ đông hiện hữu và các đối tượng khác trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 30/03/2020

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 64.000.576.000 đồng đã được các cổ đông nộp đầy đủ vào tài khoản phong tỏa của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Huế:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn)

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phiếu	Giá bán	Số tiền
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	499.964	0	0
Chào bán cho cổ đông hiện hữu	3.274.653	16.000	52.394.448.000
Xử lý cổ phiếu lẻ và không đặt mua hết	725.383	16.000	11.606.128.000
Vốn chưa sử dụng	4.500.000		64.000.576.000
Trong đó			
Vốn góp của chủ sở hữu			40.000.360.000
Thặng dư vốn cổ phần			24.000.216.000

4. Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020

Ngày 29/04/2020, ngân hàng đã chuyển 64.019.978.176 đồng từ tài khoản phong tỏa sang tài khoản thanh toán của Công ty (Trong đó: tiền thu được từ đợt phát hành là 64.000.576.000 đồng, số còn lại 19.402.176 đồng là lãi tiền gửi phát sinh của tài khoản phong tỏa trừ đi các chi phí ngân hàng).

Như vậy, sau đợt phát hành, tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty tăng thêm 69.000.216.000 đồng. Trong đó: vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 45.000.000.000 đồng (bao gồm: tăng từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu là 4.999.640.000 đồng và tăng từ chào bán thu tiền là 40.000.360.000 đồng) và thặng dư vốn cổ phần tăng thêm 24.000.216.000 đồng.

Căn cứ vào phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2019 về mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành là dùng để bổ sung vốn lưu động và vốn đối ứng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi, Công ty đã tiến hành giải ngân. Tình hình thực hiện giải ngân từ ngày 29/04/2020 đến ngày 31/12/2020 gồm các nội dung cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư	Tình hình thực hiện
1	Thanh toán mua nguyên liệu bông, xơ	45.000.216.000	45.000.216.000
2	Chi phí nhà xưởng cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi	17.000.000.000	17.000.000.000
3	Một phần chi phí máy móc thiết bị cho dự án đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi	7.000.000.000	7.000.000.000
Tổng cộng		69.000.216.000	69.000.216.000

Đến ngày 31/12/2020, vốn đã sử dụng là 69.000.216.000 đồng, việc sử dụng vốn phù hợp với mục đích huy động vốn đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
Trần Thị Kim Chi
Huế, ngày 09 tháng 04 năm 2021

TT-Huế, ngày 23 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Sợi Phú Bài;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 136/NQ-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sợi Phú Bài;
Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 3 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều 41 Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội

đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định tại Khoản 3, Điều 41 Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty; là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sợi Phú Bài bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Ngọc Mai Chi
NGUYỄN NGỌC MAI CHI

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Một số nội dung xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sợi Phú Bài năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI PHÚ BÀI

Hội đồng quản trị Công ty CP Sợi Phú Bài kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

1- Thông qua Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty (Có kèm theo Báo cáo chi tiết trình tại Đại hội).

** Một số chỉ tiêu Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện năm 2020:*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh (%) TH 2020/ KH 2020
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	760	680	89,5%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.700	14.234,27	103,9%
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	780	728,29	93,4%
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	28	24,97	89,2%
5	Kim ngạch nhập khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD		18,76	
6	Số lượng lao động	Người		754	
7	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/tháng) tại Công ty CP Sợi Phú Bài	Triệu đồng		9	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10	9,06	90,6%
9	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18	15,12	84%
10	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10%/VĐL (95 tỷ đồng)	5%/VĐL (95 tỷ đồng)	50%

** Một số chỉ tiêu cơ bản của Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty:*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2021
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	826,15
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	13.948

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch thực hiện năm 2021
3	Tổng doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	816,75
4	Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL)	Triệu USD	34,12
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,5
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	18
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6%/VĐL (95 tỷ đồng)
8	Kế hoạch vốn sử dụng trong năm 2021 cho thay thế, sửa chữa lớn và dự phòng	Khoảng 5% trên doanh thu	

2- Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty (Có kèm theo Báo cáo chi tiết trình tại Đại hội).

3- Thông qua Báo cáo Tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (có bản sao Báo cáo Tài chính kèm theo).

4- Thông qua Định hướng tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 và Phân phối lợi nhuận lũy kế sau thuế (LNST) năm 2020 của Công ty. Cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1/	Lợi nhuận sau thuế năm 2020:	7.230.676.226	
2/	Phương án phân phối lợi nhuận:	7.230.676.226	
a -	Chia cổ tức năm 2020 cho các cổ đông bằng tiền:	4.750.000.000	5%/VĐL (95 tỷ đồng)
b -	Trích Quỹ đầu tư phát triển:	826.892.000	Tỷ lệ 11,43%/LNST
c -	Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Công ty năm 2020:	826.892.000	
d -	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	826.892.226	Chia đều cho 02 quỹ

* Thời gian chi trả cổ tức: Sau khi có Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.

5- Thông qua Tiền thù lao công việc cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty; Tiền lương cho Ban Lãnh đạo Công ty; Quỹ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho cán bộ công nhân viên Công ty trong năm 2021

a) Giữ nguyên tiền lương, thù lao công việc hàng tháng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

+ Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị:

- Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng.

- Ủy viên HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.

+ Tiền lương và thù lao thành viên Ban kiểm soát:

- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách: 7.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao Ủy viên BKS: 3.000.000 đồng/tháng.

b) Giữ nguyên tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD hàng tháng cho Ban Lãnh đạo Công ty:

- + Tổng Giám đốc: khoảng 45 – 55 triệu đồng/tháng.
- + Các Phó Tổng giám đốc: khoảng 25 – 40 triệu đồng/tháng.
- + Kế toán trưởng, hoặc Trưởng phòng Kế toán-Tài chính: khoảng 18 – 25 triệu đồng/tháng.

* Các mức tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD hàng tháng nêu trên cho Ban Lãnh đạo Công ty sẽ được cập nhật theo các quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước về thay đổi chế độ tiền lương, bảo hiểm và các khoản phụ cấp khác.

c) Giữ nguyên tỷ lệ tiền lương, tiền thưởng kết quả SXKD cho cán bộ công nhân viên Công ty trên doanh thu bán sợi và gia công sợi là **15%**.

* Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc phân phối và thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho toàn thể CBCNV Công ty từ chi phí SXKD hàng tháng hoặc Quỹ tiền lương, thưởng và Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

❖ Ghi chú:

+ Mức lương, thưởng kết quả SXKD hàng tháng nêu trên là không bao gồm thuế thu nhập cá nhân.

+ Ngoài số tiền thu nhập hàng tháng nêu trên, Công ty thanh toán thêm các khoản tiền khác (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân), như: tiền thưởng Lễ Tết, tiền lương tháng thứ 13 theo quyết định của Công ty.

+ Thuế thu nhập cá nhân do Công ty chịu chi phí.

6- Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (có bản sao Báo cáo trình Đại hội).

7- Thông qua chủ trương Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty là Công ty TNHH KPMG Việt Nam, hoặc một tổ chức kiểm toán độc lập khác có uy tín.

8- Thông qua việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (sửa đổi lần thứ bảy) và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Xây dựng mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, theo nội dung các Tờ trình sau:

a) Tờ trình số 132/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

b) Tờ trình số 133/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Sửa đổi, Bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

c) Tờ trình số 134/TTr-ĐHĐCĐ 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc: Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

Trân trọng.

*** Nơi nhận:**

- Các Cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, KT-TC.


 TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 T. HĐQT - T. TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 SỢI PHÚ BÀI
 TRẦN THỊ KIM CHI

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP SỢI PHÚ BÀI

Số: 132/TTr-ĐHĐCĐ 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TT-Huế, ngày 23 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: **Sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
 - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;
- Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, đồng thời với mục tiêu xây dựng Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Hội đồng quản trị (HDQT) đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ hiện hành của Công ty.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ hiện hành của Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này. Ngoài các sửa đổi tại Phụ lục, Điều lệ mới cũng có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, câu từ, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa). Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số Điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua bản dự thảo Điều lệ mới của Công ty. Giao nhiệm vụ và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tiếp tục tổ chức rà soát, hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ mới, đăng ký và gửi Điều lệ mới đến các cơ quan có thẩm quyền.

Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày 23/04/2021 và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HDQT, BKS Cty;
- Lưu VT, KT.



PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

<p align="center">Nội dung đã ban hành hiện hành của SPB (Bỏ: gạch ngang)</p>	<p align="center">Nội dung sửa: Thêm/bớt/sửa (Thêm: Chữ màu đỏ, Sửa: Chữ màu xanh)</p>	<p>Lí do/Căn cứ để sửa (Theo Luật DN; TT116; Theo thực tế của SPB...)</p>
<p align="center">PHẦN MỞ ĐẦU</p>	<p align="center">PHẦN MỞ ĐẦU</p>	<p>Cập nhật theo thời điểm thông qua Điều lệ mới</p>
<p>CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p>	
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này; b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; c. Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ a."Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b.“Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c."Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d.“Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14</p>	<p>Điều chỉnh, bổ sung thuật ngữ phù hợp với Điều 4 - Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 4 Luật Chứng khoán 2019; Thông tư 116/2020/T</p>

<p>khoản ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán;</p> <p>g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>	<p>được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>g. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p> <p>h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán;</p> <p>i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần</p> <p>j. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	<p>T-BTC;</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 60 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 61 Điều lệ này, thời hạn</p>	<p>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 61 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 62 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô</p>	<p>Bổ sung nội dung phù hợp Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p> <p>Cập nhập các Điều cho phù hợp với Điều lệ mới ban</p>

<p>hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>thời hạn.</p> <p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp và theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>hành, Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>Mục tiêu hoạt động của Công ty là tham gia vào các hoạt động kinh doanh được nêu tại Điều 3 của Điều lệ này ...</p>	<p>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>Mục tiêu hoạt động của Công ty là tham gia vào các hoạt động kinh doanh được nêu tại Điều 4 của Điều lệ này ...</p>	<p>Cập nhật cho phù hợp các điều khoản của Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p>	
<p>CHƯƠNG II : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</p>	<p>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</p>	

<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. (Sửa đổi theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 143/QĐ-HĐQT ngày 22/04/2020 của Hội đồng quản trị Công ty)</p> <p>4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại và Điều 16 Điều lệ này.</p> <p>7. ... Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các công nhân viên theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là hợp lý, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 15 Điều lệ này.</p> <p>6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p> <p>7. ... Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho công nhân viên và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p>Cập nhật cho phù hợp các khoản của Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/T-T-BTC;</p>
<p>Điều 6. Phát hành trái phiếu</p> <p>Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.</p> <p>Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.</p>	<p>Đề xuất tinh giản điều này và quy định lại nội dung này trong các Điều 10, 29 Điều lệ mới</p>	<p>Nội dung này trong Điều 10 và Điều 29 Điều lệ mới</p>
<p>Điều 7. Mua cổ phần, trái phiếu</p> <p>Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán đầy đủ một lần.</p>		<p>Điều này được quy định tại Quy chế quản trị công ty, Điều lệ mẫu không quy định điều</p>

		này
<p>Điều 8. Các trường hợp cổ đông yêu cầu công ty mua lại cổ phần</p> <p>1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty ...</p>	<p>Điều 7. Các trường hợp cổ đông yêu cầu công ty mua lại cổ phần</p> <p>1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty</p>	Cập nhật theo Điều 132 Luật Doanh nghiệp
<p>Điều 9. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p>	<p>Điều 8. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p> <p>....Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.....</p>	Cập nhật theo Điều 133 Luật Doanh nghiệp
<p>Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ</p>	Sửa đổi cập nhật cho phù hợp các điều khoản của Điều lệ mẫu tại Thông tư 116

	việc cấp lại cổ phiếu mới.	
<p>Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Sửa đổi cập nhật cho phù hợp các điều khoản của Điều lệ mẫu tại Thông tư 116
<p>Điều 13. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại ùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp....</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không thấp hơn lãi suất cho vay của Ngân hàng mà Công ty đang giao dịch tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 12. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp....</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị...</p>	Sửa đổi cập nhật cho phù hợp các điều khoản của Điều lệ mẫu tại Thông tư 116
<p>Điều 15. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua</p>	Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 115

<p>đồng hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác (thực hiện bỏ phiếu từ xa) do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết cổ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/T T-BTC</p> <p>Bổ sung quy định cho đối tượng là cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cp</p>
--	--	--

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

~~a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 28 và Khoản 2 Điều 41 Điều lệ này;~~

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức sau:
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
5. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức sau:

Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Thông tư 116/2020. Thay đổi thuật ngữ “Quyết định” thành “Nghị quyết” phù hợp với nội dung quy định tại Thông tư 116.

	b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.	
<p>Điều 17. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp ..., đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối. Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận nêu trên dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 138, 139, 140 Luật Doanh nghiệp, Thông tư 116/2020.</p>

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản ...;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 17 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 17;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại ~~Điểm a Khoản 4 Điều 17~~ thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

b. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát **còn lại** ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty, ...

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Ban Kiểm còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. ;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát

<p>thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 17 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị,</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Bổ sung một số quy định thiếu; và sửa đổi một số từ ngữ, quy định trong Quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ</p>

<p>2.Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a.Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p> <p>c.Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d.Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e.Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và</p>	<p>thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát</p> <p>h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm</p>	<p>cho phù hợp với từ ngữ của Thông tư 116 (nội dung cơ bản không thay đổi)</p>
---	---	---

~~Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;~~

m. Quyết định ~~giao dịch~~ đầu tư hoặc bán số tài sản ~~Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua~~ có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 ~~Điều 162~~ Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 ~~Điều 18~~ khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

p. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

q. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền

~~1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện của mình tham dự. ...~~

~~2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:~~

~~a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;~~

~~b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;~~

~~c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.~~

~~4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 19, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:~~

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. ...

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:....

Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Thông tư 116/2020/T T-BTC;

<p>Điều 20. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p> <p>Việc tổ chức cuộc họp...(30) ngày sau đó Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và Điều 24 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 19. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp...(30) ngày tiếp theo ... Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, 22 và Điều 23 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những</p>	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020, Thông</p>

nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông ..., Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất ~~mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)...~~

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, ~~địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ~~

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông ..., Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

.....

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại **Khoản 3 Điều 14** Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

tư
116/2020/T
T-BTC về
thời gian
chuẩn bị
danh sách;
thời gian
gửi TB mời
họp...

<p>trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều 21 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
<p>Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành đ không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>2020, Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</p>	<p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, ... số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông ~~muộn~~ có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. ...

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch.... Trường hợp ~~không có người có thể làm chủ tọa~~, Trưởng Ban kiểm soát điều ~~khiển~~ để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

~~Trong các trường hợp khác~~, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

~~6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.~~

7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để

quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký...

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết

điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

~~11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.~~

~~Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.~~

và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có

12. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để ~~điều khiển~~ Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

	<p>11. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến hoặc bằng hình thức họp trực tuyến kết hợp với họp trực tiếp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng các hình thức này được quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</p> <p>12. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều hành Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	
<p>Điều 24. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 24, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, quyết</p>	<p>Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 148, 152 Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>

<p>định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán và được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi cả trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>d) Tổ chức lại, giải thể Công ty; e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi cả trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
<p>Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 149 Luật Doanh</p>

2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. ~~Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.~~

3.Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a.Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ~~số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;~~

c.Họ, tên, địa chỉ ~~thường trú~~, quốc tịch, số ~~Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác~~ của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ ~~thường trú~~, quốc tịch, số ~~Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác~~ của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và

tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy

ngiệp
2020, Thông
tur
116/2020/T
T-BTC;
Trong đó 02
nội dung
thay đổi về
thời gian
gởi Biên
bản kiểm
phiếu trong
vòng **mười
lăm (15)**
ngày và
Nghị quyết
được thông
qua theo
hình thức
lấy ý kiến
cổ đông
bằng văn
bản nếu
được số cổ
đông sở hữu
trên 50%
tổng số
phiếu biểu
quyết
.....

số phiếu biểu quyết của cổ đông;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị ~~và người đại diện theo pháp luật của Công ty.~~

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã ~~bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.~~ Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ~~số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;~~

e. Các vấn đề đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, ~~người đại diện theo pháp luật của Công ty,~~ người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

<p>7. ... Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>6. ... Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.... Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười</p>	<p>Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tất cả các tài liệu đính kèm</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>

<p>(10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
<p>Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 21-Điều lệ này.</p>	<p>Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>CHƯƠNG V : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Thông tư 116/2020/T</p>

có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

~~2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.~~

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

~~a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;~~

được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục; Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

T-BTC,
Điều 154
Luật Doanh
nghiệp

Thay đổi về
thời gian
nắm giữ của
cổ
đông/nhóm
cổ đông
tham gia đề
cử, ứng cử
HĐQT.

Nội dung
liên quan
đến “Ứng
cử, đề cử
thành viên
Hội đồng
quản trị”
theo Điều
lệ hiện hành
được quy
định thành
điều khoản
riêng.

~~b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;~~

~~e. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;~~

~~d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;~~

~~đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.~~

~~e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;~~

~~f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.~~

4. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị....

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:.....

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.....

j. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị

(nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến trở lên được đề cử tối đa số ứng viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

b. Người không nắm giữ cổ phần phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong Ngành, nghề

	<p>kinh doanh chủ yếu của Công ty.</p> <p>c. Đối với Công ty con là Công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.</p>	
<p>Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các người điều hành khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; (điều chỉnh thành điểm 2.i)</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác; (điều chỉnh thành điểm 2j)</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập công ty</p>	<p>Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p>	<p>Điều chỉnh, bổ sung một số quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị phù hợp với nội dung quy định tại Điều 153, 163 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p> <p>Nội dung</p>

con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; (điều chỉnh thành 2k)

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty. (điều chỉnh thành 2n)

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông. (điều chỉnh thành điểm 2k)

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; (điều chỉnh thành 2m)

k. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; (điều chỉnh thành 2b)

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

~~a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;~~

~~b. Thành lập các công ty con của Công ty;~~

~~e. — Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);~~

~~d. — Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;~~

~~đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;~~

~~e. — Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách hàng năm;~~

d. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

liên quan đến *Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị* của Điều lệ hiện hành được chuyển thành Điều khoản riêng theo Điều lệ mới.

~~hoặc các khoản đầu tư thuộc kế hoạch kinh doanh nhưng vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;~~

~~g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;~~

~~h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;~~

~~i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;~~

~~k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;~~

~~l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.~~

~~o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;~~

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;

o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

<p>8. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>9. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p>Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật này.</p> <p>.....</p>	<p>Nội dung điều này được quy định lại tại Khoản 4. Điều 27 Điều lệ công ty.</p> <p>.....</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</p> <p>.....</p>	<p>Cập nhật theo nội dung quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Được bổ</p>

<p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm,</p>	<p>sung, sửa đổi theo quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>
---	--	---

	<p>bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 32: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội</p>	<p>Điều 32: Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Được bổ sung, sửa đổi theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp, Nội dung các tiêu ban của HĐQT theo Điều lệ hiện hành</p>

~~đồng quản trị kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.~~

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ~~ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình,~~

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền thay thế chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

được chuyển thành Điều khoản riêng theo Điều lệ mới

thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

~~10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.~~

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03** ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. ...

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

12. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất

<p>11. Biểu quyết. quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11-0, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị ... d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 45 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>.</p> <p>Khoản 16, 17 được chuyển thành Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	<p>năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>14. Biểu quyết. c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 15 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản ... d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 47 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>16. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p>	
<p>Điều 33: Người phụ trách quản trị công ty 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ</p>	<p>Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty tại doanh</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với</p>

<p>trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>....</p> <p>3.Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4.Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p>	<p>ngiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>....</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>	<p>Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>CHƯƠNG VI : TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>Cập nhật chức danh phù hợp với Thông tư 116</p>
<p>Điều 34: Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>....Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>.... Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 35: Người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 36. Người điều hành công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi thuật ngữ “Người điều hành doanh nghiệp”</p>

<p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất từng thời điểm. Người điều hành phải có sự cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	<p>2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác cần thiết, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>thành “Người điều hành công ty”</p> <p>Bổ sung nội dung Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>Điều 36: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p>Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc;</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu</p>	<p>Bổ sung nội dung Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p> <p>Các nội dung của điều lệ cũ về quyền và nghĩa vụ TGD được</p>

chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.
- b. Người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- c. Đối với Công ty con của Công ty có phần vốn góp của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, b Khoản này, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

5. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- c. Tổ chức thực hiện phương án kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- e. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ

giữ lại, và bổ sung thêm theo Điều lệ mẫu vì không vi phạm Điều lệ mới của TT 116

3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

	nhiệm của Tổng giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;	
<p>Điều 37: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Là cá nhân có sở hữu ít nhất 10% vốn Điều lệ của Công ty hoặc người không phải là cổ đông công ty, nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.</p> <p>2. Đối với Công ty con của Công ty có phần vốn góp của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.</p>	<p><i>Điều 37 được sửa đổi thành khoản 4. Điều 37 Điều lệ mới</i></p>	<p>Bổ sung nội dung Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>Điều 38: Thù lao, thu nhập tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thu nhập tiền lương, tiền thưởng, cho các thành viên trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán Trưởng theo kết quả và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh; được Công ty thanh</p>	<p>Đề xuất bỏ vì đã có quy định tại Điều 30 và 45 Điều lệ.</p>	<p>Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020 /TT-BTC không quy định nội dung này.</p>

toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao		
Điều 40: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định.	Đề xuất bỏ điều 40	Nội dung này đã được quy định tại khoản 4 Điều 29.
CHƯƠNG VII : BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	
<p>Điều 41: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1.Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiêm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là Kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>.....</p> <p>2.Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc</p>	<p>Điều 39. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 168,169 Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p> <p>Ứng cử, đề cử thành viên BKS; Trưởng Ban Kiểm soát được tách thành 02</p>

~~nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.~~

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

~~5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:~~

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này.

b. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

c. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

e. Trừ trường hợp bất khả kháng, thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

f. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm ban kiểm soát đương nhiệm và bầu kiểm soát mới thay thế.

Điều 41. Trưởng ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh

điều riêng

<p>của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm ban kiểm soát đương nhiệm và bầu kiểm soát mới thay thế.</p>	<p>doanh của doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 42: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và điều hành doanh nghiệp theo quy định của Luật này;</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ điều hành trong công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong Công ty.</p>	<p>Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:</p> <p>a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không được giữ các chức vụ điều hành trong công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong Công ty.</p> <p>c. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>d. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>e. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác,...</p>	<p>Cập nhật theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 43: Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách</p>	<p>Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh</p>	<p>Được bổ sung, đổi theo Điều 170, 172, 174</p>

<p>nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>.....</p> <p>j. Giám sát tình hình tài chính công ty, tình hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;</p> <p>k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và phương thức như chúng được cung cấp cho cổ đông và Thành viên Hội đồng quản trị. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát được tuân thủ theo Điều 166 của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác;</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp, và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p> <p>Điều lệ mẫu thông tư quy định Cuộc họp BKS thành điều riêng; Tiền lương, thù lao, thưởng BKS được bổ sung thêm theo quy định tại Thông tư 116</p>
--	---	--

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai phần ba (02/03) số kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Các quy định khác về thù lao của Ban kiểm soát tuân theo Điều 167 Luật doanh nghiệp.

Điều 44. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

<p>CHƯƠNG VIII : NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</p>	<p>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>Thay đổi thuật ngữ “người quản lý khác” thành “Người điều hành khác” cho phù hợp Thông tư 116.</p>
	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>Bổ sung nội dung cho phù hợp Thông tư 116</p>
<p>Điều 45: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát,</p>	<p>Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116</p>

Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị ~~tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.~~

~~5. Hợp đồng hoặc~~ giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối

báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với đối tượng nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các

<p>quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p>	
<p>Điều 46: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cần và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường ... thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người</p>	<p>Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>2. Công ty bồi thường ... thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>

<p>đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư), khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
<p>CHƯƠNG IX. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	
<p>Điều 47: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 28 và Khoản 2-0 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại</p>	<p>Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư</p>

<p>diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>116</p>
<p>CHƯƠNG X: CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI KHÁC TRONG CÔNG TY.</p>	<p>CHƯƠNG XII. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI KHÁC TRONG CÔNG TY</p>	
<p>CHƯƠNG XI : PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p>	<p>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p>	
<p>Điều 50: Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p>Các điều 3,4,5,6,7 Điều này được thay đổi số thứ tự lại là 7,3,4,5,6 của Điều 52 Điều lệ mới</p>	<p>Điều 51. Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p><i>Ngoài nội dung quy định của thông tư 116, Điều lệ hiện tại của công ty có thêm các nội dung liên quan đến trích lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh, thu hồi tiền thanh toán cổ phần ... không vi phạm luật doanh nghiệp nên đề xuất giữ lại nội dung này</i></p>	<p>Cập nhật theo thông tư 116 và các nội dung đã quy định tại Điều lệ hiện hành</p>
<p>Điều 51: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức đã chia</p> <p>Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 13 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại</p>	<p>Điều 52. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức đã chia</p> <p>Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 12 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại</p>	

Điều 50 thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản đã nhận....	Điều 52 thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản đã nhận....	
<p>CHƯƠNG XII : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p> <p>Điều 52: Tài khoản ngân hàng</p> <p>Điều 53: Năm tài chính</p> <p>Điều 54: Chế độ kế toán</p>	<p>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p> <p>Điều 53. Tài khoản ngân hàng</p> <p>Điều 54. Năm tài chính</p> <p>Điều 55. Chế độ kế toán</p>	Thay đổi số Chương, Điều, nội dung không thay đổi
<p>CHƯƠNG XIII : BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p>	<p>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	Cập nhật lại tiêu đề chương phù hợp TT 116
<p>Điều 55: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty đăng ký giao dịch/ niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty-</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về</p>	Được bổ sung, sửa đổi theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;

<p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty đăng ký giao dịch/ niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	
<p>Điều 56: Báo cáo thường niên</p>	<p>Điều 57. Báo cáo thường niên</p>	<p>Thay đổi số Điều, nội dung không thay đổi</p>
<p>CHƯƠNG XIV : KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	
<p>Điều 57: Kiểm toán 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp</p>	<p>Điều 58. Kiểm toán 4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp ... đồng được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>Được sửa đổi theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>CHƯƠNG XV : CON DẤU</p>	<p>CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</p>	<p>Cập nhật đúng tiêu đề chương theo Thông tư 116/2020/T T-BTC</p>
<p>Điều 58: Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p>	<p>Điều 59. Dấu của doanh nghiệp 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao</p>	<p>Được sửa đổi theo Điều lệ mẫu ban hành</p>

<p>2.Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p>	<p>kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>CHƯƠNG XVI : CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p>	<p>CHƯƠNG XVIII . GIẢI THỂ CÔNG TY</p>	<p>Cập nhật đúng tiêu đề chương theo Thông tư 116/2020/T T-BTC</p>
<p>Điều 59: Chuyển đổi công ty</p>	<p>Điều 60. Chuyển đổi công ty</p>	<p>Thay đổi số Điều, nội dung không thay đổi</p>
<p>Điều 60: Chấm dứt hoạt động 1.Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p>	<p>Điều 61. Giải thể công ty 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ của Công ty mà không có quyết định gia hạn; b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;</p>	<p>Được sửa đổi theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/T T-BTC;</p>
<p>Điều 61: Gia hạn hoạt động Điều 62: Thanh lý Điều 63: Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể</p>	<p>Điều 62. Gia hạn hoạt động Điều 63.Thanh lý Điều 64. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể</p>	<p>Thay đổi số Điều, nội dung không thay đổi</p>

CHƯƠNG XVII : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 64: Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Thay đổi số Điều, nội dung không thay đổi
CHƯƠNG XVIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	
Điều 65: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 66. Điều lệ công ty	Sửa tiêu đề Điều cho phù hợp thông tư 116
CHƯƠNG XIX : NGÀY HIỆU LỰC	CHƯƠNG XIX. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 66: Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 19 chương - 66 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sợi Phú Bài nhất trí thông qua ngày 29 tháng 05 năm 2020	Điều 67. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương - 67 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sợi Phú Bài nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021	Dựa trên thực tế Điều lệ mới của công ty

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi, Bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật (Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các thông tư hướng dẫn kèm theo) và tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, đồng thời với mục tiêu xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Cấu trúc Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính có sự thay đổi so với Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành theo Thông tư TT 95/2017/TT-BTC. Chính vì thế, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) tư vấn sửa đổi dựa trên Cấu trúc Quy chế mới. Cụ thể như sau:

1. Cập nhập lại các văn bản luật, các tham chiếu đến văn bản Luật và Điều lệ Công ty được sửa đổi.
2. Về Đại hội đồng cổ đông :
 - Cấu trúc mới yêu cầu làm rõ vai trò Đại hội đồng cổ đông;
 - Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Quy định chi tiết từng nội dung. Cơ bản các nội dung bám sát theo Điều lệ mới được sửa đổi; Luật doanh nghiệp 2020; Luật chứng khoán 2019.
 - Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Quy định chi tiết từng nội dung. Cơ bản các nội dung bám sát theo Điều lệ mới được sửa đổi; Luật doanh nghiệp 2020; Luật chứng khoán 2019.

- Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức Hội nghị trực tuyến: Đây là nội dung mới; VCBS xây dựng dựa trên thông lệ được các Công ty lớn tổ chức và Luật doanh nghiệp 2020; Luật chứng khoán 2019.
 - Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến : Đây là nội dung mới; VCBS xây dựng dựa trên thông lệ được các Công ty lớn tổ chức và Luật doanh nghiệp 2020; Luật chứng khoán 2019.
3. Về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc : Quy định chi tiết từng nội dung. Cơ bản các nội dung bám sát theo Điều lệ mới được sửa đổi; Luật doanh nghiệp 2020; Luật chứng khoán 2019.
 4. Các hoạt động phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc : Quy định chi tiết từng nội dung. Cơ bản các nội dung bám sát theo thông lệ và tuân thủ Luật doanh nghiệp 2020; Luật chứng khoán 2019.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Giao nhiệm vụ và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tiếp tục tổ chức rà soát, hoàn thiện và ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, đăng ký và gửi Quy chế mới đến các cơ quan có thẩm quyền.

Quy chế mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày 23/04/2021 và thay thế cho bản Quy chế hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

 **Nơi nhận:**
 C: Các Cổ đông;
 SỢI - HĐQT, BKS Cty;
 - Lưu VT, KT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SỢI PHÚ BÀI
CAO HỮU HIẾU

TỜ TRÌNH

Về việc: Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật (Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các thông tư hướng dẫn kèm theo) và tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần Dược Medipharco, đồng thời với mục tiêu xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hoàn thiện, chặt chẽ theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty CP Sợi Phú Bài. Giao nhiệm vụ và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tiếp tục tổ chức rà soát, hoàn thiện và ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty, đăng ký và gửi Quy chế mới đến các cơ quan có thẩm quyền.

Các quy chế này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 23/04/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu VT, KT.



Phú Bài, ngày 12 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP SỢI PHÚ BÀI
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty CP Sợi Phú Bài;

Căn cứ vào quyền hạn và nghĩa vụ của ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty CP Sợi Phú Bài;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán ngày 23/03/2021 của Công ty CP Sợi Phú Bài;

Căn cứ vào các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các hồ sơ chứng từ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra giám sát đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2020 của Công ty CP Sợi Phú Bài như sau:

Thành viên Ban kiểm soát:

- | | |
|----------------------------|-----------------------|
| 1. Bà Nguyễn Ngọc Mai Chi: | Trưởng ban Kiểm soát |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Cách: | Ủy viên ban kiểm soát |
| 3. Ông Võ Hoàng Phụng: | Ủy viên ban kiểm soát |

Nội dung kiểm tra giám sát:

- Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020;
- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Cơ quan điều hành về việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2020;
- Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2020.
- Đề xuất và kiến nghị.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Tình hình chung:

Năm 2020 là năm cực kỳ khó khăn và đầy thách thức đối với ngành Dệt May nói chung và ngành Sợi nói riêng. Những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, thiên tai, thảm họa, chiến tranh thương mại giữa các cường quốc đã dẫn đến sự suy thoái kinh tế toàn cầu trong năm qua. Trong các ngành bị ảnh hưởng bởi các sự kiện trên thì ngành Dệt May nói chung và ngành Sợi nói riêng lại là một trong những ngành bị ảnh hưởng đầu tiên và kéo dài nhất. Trong bối cảnh đó, Công ty CP Sợi Phú Bài cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức để đảm bảo duy trì sản xuất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ đề ra trong năm 2020 vừa qua.

2. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông:

Bảng số 01: Thực hiện các chỉ tiêu trên HĐQT

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Tỷ lệ so sánh	
				NQ	Thực hiện	TH/NQ	Cùng kỳ
1.	Doanh thu	Triệu đồng	792,055	780,000	728,289	93.4%	91.9%
2.	Giá trị SXCN	Triệu đồng	738,350	760,000	680,000	89.5%	92.1%
3.	Kim ngạch XK	1000 USD	28,450	28,000	24,970	89.2%	87.8%
4.	Sản lượng sản xuất	Tấn sợi	13,892	13,700	14,234	103.9%	102.5%
5.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8,021	10,000	9,059	90.6%	112.9%
6.	Nộp ngân sách	Triệu đồng	15,600	18,000	15,120	84.0%	96.9%
7.	Cổ tức	%	8%/VĐL 50 tỷ	10%/VĐL 95 tỷ	5%/VĐL 95 tỷ	50.0%	
8.	Thu nhập BQ/người/tháng	Triệu đồng/ người/tháng	8.7		9.0		103.4%
9.	Số lượng lao động		744		754		101.3%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020)

❖ Nhận xét:

- Đối với đa số các chỉ tiêu trong năm 2020, Công ty không đạt được mục tiêu như Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra (hầu hết hoàn thành trên dưới 90% kế hoạch).
- Tuy nhiên, với việc thị trường Sợi ấm lên trong giai đoạn cuối năm, tổng sản lượng sản xuất của Công ty năm 2020 đã vượt 3,9% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, đồng thời tăng 2,5% so với sản lượng cùng kỳ năm trước.
- Bên cạnh đó, trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, Công ty vẫn duy trì được công ăn việc làm với mức thu nhập ổn định cho người lao động, cán bộ công nhân viên. Đây là những nỗ lực rất đáng ghi nhận của Ban lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu: 4 tỷ đồng (8%/VĐL 50 tỷ)
- Thực hiện trích lập các quỹ:
 - Quỹ đầu tư phát triển: 0.814 tỷ đồng
 - Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty: 0.814 tỷ đồng
 - Quỹ phúc lợi: 0.407 tỷ đồng
 - Quỹ khen thưởng: 0.407 tỷ đồng

3. Phân tích tình hình tài chính:

3.1. Phân tích Bảng cân đối kế toán

Bảng số 02: Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	1/1/2020	31/12/2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A.	Tài sản	255,284	583,137	327,853	128.4%
I.	Tài sản ngắn hạn	216,408	342,095	125,687	58.1%
1.	Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4,160	2,691	(1,469)	-35.3%
2.	Các khoản phải thu ngắn hạn	100,596	168,542	67,946	67.5%
	Phải thu khách hàng	39,497	34,669	(4,828)	-12.2%
	Trả trước cho người bán	15,643	53,471	37,828	241.8%
3.	Hàng tồn kho	105,043	152,693	47,650	45.4%
4.	Tài sản ngắn hạn khác	6,610	18,171	11,561	174.9%
II.	Tài sản dài hạn:	38,876	241,042	202,166	520.0%
1.	TS cố định	32,213	38,259	6,046	18.8%
2.	TS dở dang dài hạn	3,766	199,776	196,010	5,204.7%
3.	ĐTTTC dài hạn & Tài sản dài hạn khác	2,897	3,006	109	3.8%
B.	Nguồn vốn	255,284	583,137	327,853	128.4%
I.	Nợ phải trả	164,171	426,420	262,249	159.7%
1.	Nợ ngắn hạn	157,666	241,180	83,514	53.0%
	Vay và nợ ngắn hạn	135,173	119,187	16,553	16.1%
	Phải trả người bán	22,493	88,332	65,839	292.7%
2.	Nợ dài hạn	6,505	185,241	178,736	2,747.7%
II.	Vốn chủ sở hữu	91,113	156,717	65,603	72.0%
1.	Vốn góp của CSH	50,000	95,000	45,000	90.0%
2.	Thặng dư vốn cổ phần	289	24,289	24,000	8,304.5%
3.	Quỹ đầu tư phát triển	29,383	30,197	814	2.8%
4.	Quỹ khác thuộc VCSH	5,000	0.36	(5,000)	-100.0%
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,441	7,231	790	12.3%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

❖ Nhận xét:

- Năm 2020, Công ty thực hiện chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy kéo sợi 30,240 cọc sợi, dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ tháng 5/2021. Giá trị đầu tư của Dự án

(gần 200 tỷ đồng) đã được phản ánh vào Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, cụ thể là số dư Tài sản dở dang dài hạn tăng 196 tỷ đồng, đồng thời số dư Nợ dài hạn cũng tăng 1 khoản tương đương. Đây là nguyên nhân chính khiến tổng Tài sản và Nguồn vốn của Công ty tăng gần 328 tỷ đồng, tương đương 128.4% so với cùng kỳ.

- Tình hình công nợ phải thu: Số dư công nợ phải thu ngắn hạn tại 31/12/2020 tăng 67.9 tỷ đồng, tương đương 67.5% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ khoản ký quỹ, ký cược là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (tăng 30 tỷ đồng so với cùng kỳ).
- Hàng hóa tồn kho: Lượng hàng tồn kho cuối năm 2020 tăng 47.6 tỷ đồng tương đương tăng 45.4% so với cùng kỳ, chủ yếu thể hiện giá trị lượng hàng mua đang đi đường (tăng 54.5 tỷ đồng so với cùng kỳ). Đây là lượng nguyên liệu Công ty đặt mua để chuẩn bị cho Nhà máy mới dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong thời gian tới.
- Nợ phải trả và khả năng trả nợ: Số dư nợ phải trả tại 31/12/2020 tăng 262.2 tỷ đồng, tương đương 159.7% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ khoản 162.3 tỷ đồng phải trả cho các nhà cung cấp máy móc và thiết bị sản xuất Sợi, cùng với đó là tiền mua nguyên liệu phục vụ cho dự án Nhà máy mới.

3.2. Phân tích Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

Bảng số 03: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A.	Tổng Doanh thu	792,055	728,289	(63,766)	-8.1%
1	Doanh thu thuần bán hàng và Cung cấp dịch vụ	786,133	718,019	(68,114)	-8.7%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	5,709	8,431	2,722	47.7%
3	Thu nhập khác	213	1,839	1,626	763.4%
B.	Tổng chi phí:	784,034	719,231	(64,803)	-8.3%
1	Giá vốn	727,597	660,726	(66,871)	-9.2%
2	Chi phí tài chính:	6,254	8,500	2,246	35.9%
	Trong đó chi phí lãi vay	4,284	4,840	556	13.0%
3	Chi phí bán hàng:	33,257	31,148	(2,109)	-6.3%
4	Chi phí QLDN	16,495	18,270	1,775	10.8%
5	Chi phí khác	431	587	156	36.2%
C.	Lợi nhuận trước thuế	8,021	9,059	1,038	12.9%
1	Lợi nhuận từ HĐ SXKD chính	8,784	7,875	(909)	-10.3%
2	Lợi nhuận từ HĐ tài chính	(545)	(69)	476	87.3%
2	Lợi nhuận từ HĐ khác	(219)	1,253	790	672.1%
D.	Lợi nhuận sau thuế	6,441	7,231	790	12.3%
E.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	875	658	(217)	-24.8%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

❖ **Nhận xét:**

- Tổng Doanh thu và Tổng chi phí năm 2020 đều chỉ bằng khoảng 92% so với cùng kỳ năm 2019. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 tăng 12.9% so với cùng kỳ tuy nhiên thực tế cũng chỉ tăng khoảng 1 tỷ đồng.
- Kết quả SXKD năm 2019 của Công ty thực tế là không cao do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung. Sang đến năm 2020, dịch bệnh Covid-19 lan rộng thậm chí khiến tình hình SXKD trở nên khó khăn hơn rất nhiều. Với những yếu tố khách quan không thuận lợi như vậy, việc doanh thu Công ty vẫn giữ ở mức trên 90% đồng thời LNTT tăng so với cùng kỳ năm trước là một kết quả đáng khích lệ.

3.3. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Bảng số 04: Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

S T T	Chỉ tiêu	Ý nghĩa	31/12/19	31/12/20	So sánh với cùng kỳ	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/nợ phải trả)	Cho biết cứ trong một đồng nợ phải trả có bao nhiêu đồng tài sản đảm bảo.	1.55	1.37	(0.19)	-12.06%
2	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản lưu động với nợ ngắn hạn	1.37	1.42	0.05	3.34%
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh ((Tổng TSNH – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn)	Cho biết Công ty có bao nhiêu đồng vốn bằng tiền và các khoản tương đương tiền để thanh toán ngay cho một đồng nợ ngắn hạn.	0.71	0.79	0.08	11.18%
4	Hệ số Nợ phải trả / Nợ phải thu (Nợ phải trả ngắn hạn/Nợ phải thu ngắn hạn)	So sánh phần đi chiếm dụng và phần bị chiếm dụng vốn của doanh nghiệp.	1.57	1.43	(0.14)	-8.70%
5	Hệ số Nợ phải trả nhà cung cấp ngắn hạn / Nợ phải thu khách hàng ngắn hạn	So sánh phần đi chiếm dụng và phần bị chiếm dụng vốn của doanh nghiệp.	0.57	2.55	1.98	347.39%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

❖ **Nhận xét:**

- Các hệ số khả năng thanh toán của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 đều ở mức an toàn khi hệ số thanh toán tổng quát, hệ số thanh toán ngắn hạn đều đạt mức > 1 và hệ số thanh toán nhanh > 0.5, đặc biệt các hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đều có sự cải thiện so với năm trước.

- Hệ số Nợ phải trả nhà cung cấp ngắn hạn/Nợ phải thu khách hàng ngắn hạn có sự gia tăng rõ rệt so với cùng kỳ năm trước (tăng 347.4%) chủ yếu do Công ty đã đặt mua một lượng lớn nguyên phụ liệu vào cuối năm 2020 để chuẩn bị cho việc đưa Nhà máy mới đi vào hoạt động (dự kiến vào tháng 05/2021).

3.4. Nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính

Bảng số 05: Các chỉ tiêu đòn bẩy tài chính

S T T	Chỉ tiêu	Ý nghĩa	31/12/19	31/12/20	So sánh cùng kỳ	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Hệ số nợ phải trả/Nguồn vốn	Phản ánh tỷ lệ vốn vay trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.	0.64	0.73	0.09	13.71%
2	Tỷ số tự tài trợ TSCĐ (Vốn chủ sở hữu/ Giá trị TSCĐ)	Phản ánh khả năng trang trải tài sản dài hạn bằng Vốn chủ sở hữu.	2.83	4.10	1.27	44.82%
3	Hệ số thích ứng dài hạn = TSDH / (VCSH + Nợ DH)	Phản ánh việc sử dụng vốn hợp lý của Công ty.	0.40	0.71	0.31	77.00%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

❖ **Nhận xét:**

- Tại ngày 31/12/2020, 73% nguồn vốn của Công ty có nguồn gốc từ các khoản nợ phải trả, chỉ số này tăng khoảng 9% so với cùng kỳ năm trước. Công ty đã sử dụng nhiều nguồn vốn vay hơn (số dư các khoản vay tăng 32.9 tỷ so với cùng kỳ), các khoản phải trả nhà cung cấp cũng tăng 228.2 tỷ so với cùng kỳ. Điều này cho thấy công ty đang vận dụng đòn bẩy tài chính để tận dụng lợi thế “lá chắn thuế” từ các khoản chi phí lãi vay. Tuy rằng Công ty gia tăng việc sử dụng các khoản vay và các khoản nợ phải trả nhưng các chỉ số thanh toán vẫn được duy trì ở mức độ an toàn, thậm chí một số chỉ tiêu còn được cải thiện như đã được trình bày ở **mục 3.3** cho thấy Ban Giám đốc Công ty đã có sự quản lý chặt chẽ, khai thác khéo léo và cân đối các nguồn lực để vừa đảm bảo tận dụng tối đa ưu thế của đòn bẩy tài chính vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh toán lành mạnh của Công ty.

Bảng số 06: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thời gian thanh toán và thu hồi công nợ

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm		So sánh cùng kỳ	
	01-01-20	31-12-20	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (1)	84,176,643,889	(11,422,594,675)	(95,599,238,564)	-114%
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (2)	(30,454,487,566)	(82,982,100,187)	(52,527,612,621)	-172%

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm		So sánh cùng kỳ	
	01-01-20	31-12-20	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (3)	(58,343,771,233)	92,935,500,622	151,279,271,855	259%
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ = (1)+(2)+(3)	(4,621,614,910)	(1,469,194,240)	3,152,420,670	68%
Thời gian thanh toán công nợ bình quân (ngày)	12.89	30.61	17.72	137%
Thời gian thu tiền bình quân (ngày)	17.78	18.85	1.07	6%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

- Kết hợp phân tích thêm với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020, có thể thấy nguyên nhân của việc gia tăng sự phụ thuộc vào các khoản vay và các khoản nợ phải trả đến từ dòng tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh đã giảm 95.6 tỷ xuống còn -11.4 tỷ đồng (tương đương giảm 114% so với cùng kỳ năm trước), trong khi dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư cũng giảm 52.5 tỷ đồng xuống còn gần -83 tỷ đồng (tương đương giảm 172%). Do đó, Công ty phải sử dụng nguồn vốn vay và kéo dài thời gian thanh toán cho nhà cung cấp nhằm tận dụng tối ưu các khoản nợ phải trả nhà cung cấp. Thời gian thanh toán công nợ bình quân của Công ty đã tăng từ 12.89 ngày trong năm 2019 lên thành 30.61 ngày trong năm 2020 (tăng 17.72 ngày tương đương 137%). Trong khi đó, thời gian thu tiền bình quân trong năm 2020 là 18.85 ngày, chỉ tăng 1.07 ngày so với cùng kỳ (tương đương tăng 6%). Điều này cho thấy, Ban Giám đốc Công ty đã quản lý tốt các khoản phải thu khi không để thời gian thu tiền bình quân tăng cao trong bối cảnh khó khăn của đại dịch Covid-19 và không để phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Các tỷ số tự tài trợ tài sản cố định và hệ số thích ứng dài hạn đều có chuyển biến tích cực khi tăng lần lượt 1.27 lần (tương đương 44.82%) và 0.31 lần (tương đương 77.00%) so với cùng kỳ năm trước. Điều này thể hiện những ảnh hưởng tích cực của việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn chủ sở hữu trong năm 2020.

3.5. Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động

Bảng số 07: Các chỉ tiêu về khả năng hoạt động

Số TT	Chỉ tiêu	Ý nghĩa	Năm 2019	Năm 2020	So sánh với cùng kỳ	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Vòng quay tổng tài sản (lần)	Chỉ số này giúp đánh giá hiệu quả sử dụng của toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, cho thấy 1 đồng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu.	2.71	1.71	(0.99)	-36.69%

Số TT	Chỉ tiêu	Ý nghĩa	Năm 2019	Năm 2020	So sánh với cùng kỳ	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
2	Vòng quay vốn lưu động (lần)	Chỉ tiêu này phản ánh vốn lưu động luân chuyển được bao nhiêu lần trong kỳ hay 1 đồng vốn lưu động thì tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu trong kỳ.	11.73	8.99	(2.73)	-23.31%
3	Chu kỳ hàng tồn kho (ngày)	Chỉ tiêu này cho biết thời gian cần thiết để tiêu thụ số hàng tồn kho bình quân trong kì của Công ty.	70.60	71.19	0.59	0.84%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

❖ **Nhận xét:**

- Vòng quay tổng tài sản và Vòng quay vốn lưu động của Công ty năm 2020 giảm lần lượt là 0.99 lần (tương đương giảm 36.69%) và 2.73 lần so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do tác động của dự án Nhà máy kéo sợi mới đến số dư tài sản dài hạn, số dư hàng tồn kho, các khoản phải trả nhà cung cấp, các khoản trả trước như đã trình bày ở các phần trên. Ngoài ra, do tình hình khó khăn chung của năm 2020 đối với ngành Sợi nên doanh thu giảm 68.1 tỷ cũng góp phần khiến cho các chỉ tiêu Vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động giảm so với năm 2019.

3.6. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Bảng số 08: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời

S T T	Chỉ tiêu	Ý nghĩa	Năm 2019	Năm 2020	So sánh năm với cùng kỳ	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Tỷ suất lợi nhuận gộp (LN gộp/DT thuần).	Thể hiện khoảng chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của sản phẩm, dịch vụ.	7.45%	7.98%	0.53%	7.16%
2	Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS) (Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần).	Cho biết với một đồng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ sẽ tạo được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.	0.82%	1.01%	0.19%	22.90%
3	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) (Lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản bình quân).	Chỉ tiêu này cho biết một đồng (hay một đơn vị) TS bình quân đầu tư vào kinh doanh mang về bao nhiêu đồng (hay mấy đơn vị) lợi nhuận sau thuế.	2.22%	1.72%	-0.49%	-22.19%
4	Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE) (Lợi	Tỉ số này cho biết một đồng vốn chủ sở hữu sẽ	6.46%	5.84%	-0.63%	-9.71%

S T T	Chỉ tiêu	Ý nghĩa	Năm 2019	Năm 2020	So sánh năm với cùng kỳ	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
	nhuận sau thuế / Vốn CSH bình quân).	tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.				

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

❖ **Nhận xét:**

- Tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần trong năm 2020 đều tăng so với năm 2019. Điều này chứng tỏ công tác quản lý chi phí của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2020 đã có nhiều hiệu quả tích cực.
- Tỷ suất sinh lời của Tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE) đều giảm so với năm 2019. Nguyên nhân phần lớn là do Công ty đầu tư vào dự án Nhà máy kéo sợi 30,240 cọc sợi. Để thực hiện dự án này, Công ty đã phát hành thêm 4.5 triệu cổ phiếu góp phần đưa vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 65.6 tỷ đồng (tương đương 72.0%) so với cuối kỳ năm 2019. Vì dự án chưa hoàn thành và chưa đưa vào hoạt động nên chưa có tác động vào doanh thu của Công ty trong khi đó, tài sản và vốn chủ sở hữu đã tăng theo tiến trình đầu tư dự án nên tỷ suất sinh lời ROA và ROE đều giảm so với năm 2019.
- Để có cái nhìn toàn diện hơn về nguyên nhân của việc tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE) của Công ty giảm so với năm 2019, mô hình phân tích tài chính Dupont sẽ được áp dụng để phân tích và so sánh. Mô hình Dupont phân tách chỉ tiêu ROE thành như sau:

$$ROE = \frac{LNST}{LNTT} \times \frac{LNTT}{LNTT \text{ và lãi vay}} \times \frac{LNTT \text{ và lãi vay}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Tài sản bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Bảng 09: Kết quả báo cáo tài chính giai đoạn 2019-2020

	2019	2020	2020-2019	%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	6,441,364,824	7,230,676,226	789,311,402	12.25%
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	8,020,712,784	9,058,633,164	1,037,920,380	12.94%
LNTT và lãi vay	12,304,676,782	13,898,414,507	1,593,737,725	12.95%
Doanh thu thuần	786,132,598,550	718,019,437,586	(68,113,160,964)	-8.66%
Tài sản bình quân	290,562,590,689	419,210,844,310	128,648,253,622	44.28%
VCSH bình quân	99,664,762,304	123,915,478,119	24,250,715,815	24.33%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

Bảng 10: Mô hình Du Pont giai đoạn 2019-2020

Mô hình DuPont với 5 yếu tố:	2019	2020	2020-2019	
			+/-	%
Hệ số gánh nặng thuế (LNST/LNTT) (1)	0.80	0.80	(0.00)	-0.61%
Hệ số gánh nặng lãi vay (LNTT/LNTT và lãi vay) (2)	0.65	0.65	(0.00)	-0.01%
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (LNTT và lãi vay/Doanh thu thuần) (3)	1.57%	1.94%	0.37%	23.67%
Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) (4)	2.71	1.71	(0.99)	-36.69%
Số nhân vốn chủ (Tổng tài sản bình quân/VCSH bình quân) (5)	2.92	3.38	0.47	16.04%
Tỷ suất lợi Nhuận trên VCSH (ROE) = (1)x(2)x(3)x(4)x(5)	6.46%	5.84%	-0.63%	-9.71%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

- Từ mô hình DuPont có thể nhận thấy một số đặc điểm sau:
 - Các hệ số gánh nặng thuế và lãi vay không có sự biến động lớn trong giai đoạn năm 2019-2020. Đặc biệt, hệ số gánh nặng lãi vay không biến động trong bối cảnh năm 2020, Công ty đã gia tăng lượng vốn vay sử dụng khá lớn cho thấy hiệu quả quản trị tài chính tốt của Công ty khi đã hạn chế được những ảnh hưởng tiêu cực của chi phí lãi vay tăng đến tỷ suất sinh lời của VCSH.
 - Trong bối cảnh khó khăn của đại dịch Covid-19 và các cuộc chiến tranh thương mại toàn cầu, nhưng Công ty vẫn ghi nhận tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng so với năm 2019. Cụ thể, tỷ suất này tăng từ 1.57% năm 2019 lên 1.94% năm 2020 (mức tăng tương đương 23.67%) cho thấy hiệu quả quản trị sản xuất và kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty.
 - Số nhân vốn chủ tăng 0.47 (tương đương 16.04%) so với năm 2019 cho thấy Công ty đã thay đổi theo hướng gia tăng tỷ lệ nợ phải trả và các khoản vay trong cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp. Đây là chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính nên có tác dụng khuếch trương ảnh hưởng của các yếu tố khác lên tỷ suất sinh lời trên VCSH. Sự gia tăng của chỉ số này là có lợi cho tỷ suất sinh lời trên VCSH.
 - Sự sụt giảm của nhân tố Vòng quay tổng tài sản khi giảm 0.99 lần tương đương 36.69% là yếu tố giảm duy nhất trong 5 nhân tố phân tích và là yếu tố quyết định đến việc chỉ tiêu ROE suy giảm so với năm 2019.
 - Vì trong năm 2020, dự án Nhà máy kéo sợi 30,240 cọc sợi chưa hoàn thành, chưa đi vào hoạt động nên chuyển biến tiêu cực của Vòng quay tổng tài sản trong năm 2020 chỉ có tính thời điểm và có thể thấy nếu bỏ qua ảnh hưởng của yếu tố Vòng quay tổng tài sản thì chỉ tiêu ROE đang có những chuyển biến rất tích cực. Từ đó, có cơ sở để tin rằng các biện pháp quản trị sản xuất và kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty đang phát huy hiệu quả tốt trong bối cảnh thị trường vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ thiên tai và dịch bệnh.

3.7. Nhóm chỉ tiêu đánh giá dòng tiền

Bảng 11: Các chỉ tiêu đánh giá dòng tiền

S T T	Chỉ tiêu	Ý nghĩa	Năm 2019	Năm 2020	So sánh 2020–2019	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	LCTT từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Đánh giá khả năng của doanh nghiệp trong việc chuyển doanh thu thuần thành tiền mặt.	10.71%	-1.59%	-12.30%	-114.86%
2	LCTT từ hoạt động kinh doanh/Vốn Chủ sở hữu bình quân	Phản ánh một đồng vốn chủ sở hữu tạo ra bao nhiêu tiền từ hoạt động kinh doanh.	84.46%	-9.22%	-93.68%	-110.91%
3	Chỉ số đảm bảo thanh toán nợ ngắn hạn	Phản ánh khả năng quản lý công nợ của doanh nghiệp.	0.30	(0.47)	(0.76)	-258.92%
4	Chỉ số đảm bảo thanh toán nợ dài hạn	Đánh giá khả năng doanh nghiệp có thể trả nợ các khoản vay nợ dài hạn từ dòng tiền của chính doanh nghiệp.	17.03	(0.98)	(18.01)	-105.73%
5	Hệ số khả năng thanh toán lãi vay	Đánh giá khả năng doanh nghiệp có thể hoàn trả lãi vay của các khoản vay nợ từ dòng tiền tự do trong kỳ của mình hay không	13.76	(18.13)	(31.89)	-231.78%
6	Tỷ lệ sức mạnh tạo ra tiền từ hoạt động kinh doanh	Đánh giá khả năng tạo ra tiền mặt của doanh nghiệp hoàn toàn dựa trên hoạt động kinh doanh, so sánh trên tổng dòng tiền vào của doanh nghiệp.	12.78%	-2.03%	-14.81%	-115.89%
7	Tỷ trọng dòng tiền thu vào của hoạt động đầu tư so với tổng số tiền thu vào trong kỳ	Đánh giá khả năng tạo ra tiền mặt của doanh nghiệp hoàn toàn dựa trên hoạt động đầu tư, so sánh trên tổng dòng tiền vào của doanh nghiệp.	0.00%	0.48%	0.48%	
8	Tỷ trọng dòng tiền thu vào từ hoạt động tài chính so với tổng số tiền thu vào trong kỳ	Đánh giá khả năng tạo ra tiền mặt của doanh nghiệp hoàn toàn dựa trên hoạt động tài chính, so sánh trên tổng dòng tiền vào của doanh nghiệp.	86.99%	99.52%	12.53%	14.40%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

❖ **Nhận xét:**

- Xét một cách tổng quát, các chỉ tiêu về dòng tiền cho thấy sự thay đổi tiêu cực ở gần như mọi chỉ tiêu so với năm 2019.
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của năm 2020 đạt mức -11.4 tỷ đồng (giảm 95.6 tỷ tương đương giảm 114% so với năm 2019) là nguyên nhân chính cho sự chuyển biến tiêu cực của các chỉ tiêu được trình bày ở bảng trên. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến dòng tiền âm của lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là việc số dư Hàng tồn kho, số dư các khoản phải thu cuối kỳ và các khoản ký quỹ, ký cược tăng so với cùng kỳ năm trước như đã trình bày ở các mục trên. Do đó, việc dòng tiền từ hoạt động kinh doanh giảm mạnh và đạt mức âm trong năm 2020 mang tính thời điểm khi Công ty đang dồn mọi nguồn lực cho việc hoàn thành dự án đầu tư Nhà máy kéo sợi mới. Ngoài ra, như đã trình bày ở **mục 3.3**, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều đạt mức an toàn nên chưa có rủi ro ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

❖ **Nhận xét về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài trong năm 2020:**

- Căn cứ vào kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài trong năm 2020 do Công ty TNHH KPMG kiểm toán, ban Kiểm soát ghi nhận Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ.
- Qua phân tích báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính ở trên, ban Kiểm soát có nhận xét như sau: Nhìn chung tình hình tài chính của công ty lành mạnh, một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có sự sụt giảm so với năm 2019 nhưng vẫn khá tốt so với toàn ngành. Trong bối cảnh khó khăn của năm 2020 với nhiều thiên tai, dịch bệnh, các cuộc chiến tranh thương mại nhưng ban lãnh đạo của Công ty vẫn quản lý, điều hành có hiệu quả, tạo ra lợi nhuận cao hơn năm trước và đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Công tác quản lý công nợ phải thu, công nợ phải trả của Công ty vẫn duy trì tốt, qua đó đã đảm bảo được hiệu quả sử dụng vốn giúp giảm gánh nặng tài chính góp phần ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2020.

4. Cơ cấu cổ đông và tỷ lệ sở hữu đến thời điểm 31/12/2020:

Bảng 12: Cơ cấu cổ đông và tỷ lệ cổ phần sở hữu tính đến thời điểm 31/12/2020

S T T	Tên cổ đông	31/12/2019		31/12/2020	
		Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	2,692,270	53.85%	5,115,313	53.85%

S T T	Tên cổ đông	31/12/2019		31/12/2020	
		Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
2	Công ty Cổ phần Lương thực vật tư Nông nghiệp Nghệ An	-	-	1,680,500	17.69%
3	Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	886,525	17.73%	256,920	2.70%
4	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	221,631	4.43%	421,098	4.43%
5	Cổ đông là các CBCNV và thể nhân khác	1,110,035	22.20%	2,104,980	22.16%
Tổng cộng		5,000,000	100%	9,500,000	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

5. Công tác đầu tư:

- Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện dự án đầu tư mở rộng 01 nhà máy kéo sợi mới quy mô 30,240 cọc, nhà xưởng 02 tầng với diện tích sử dụng 9,751 m². Dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động từ tháng 05/2021.
- Ngoài ra, trong năm 2020, Công ty đã đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị nhỏ lẻ, gồm:
 - + 12 máy xe sợi;
 - + 02 máy đay sợi PEASS.

PHẦN THỨ HAI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để triển khai các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ.

Kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đến nay, Hội đồng Quản trị luôn duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất, nhằm giải quyết và chỉ đạo kịp thời cho hoạt động của Công ty trước những biến động của tình hình kinh tế xã hội trong nước cũng như trên thế giới. Đồng thời, thông qua các báo cáo của Ban Giám đốc để theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, tổ chức nhân sự, xây dựng chiến lược phát triển, yêu cầu cơ quan điều hành thực hiện các giải pháp khắc phục các tồn tại, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất đồng thuận cao của các thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của Công ty, cổ đông và người lao động. Hội đồng Quản trị luôn bám sát, xem xét đánh giá tình hình Sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, qua đó đưa ra các chỉ đạo nhằm tăng cường tính chủ động trong khai thác thị trường, tập trung các giải pháp tiết kiệm, giải pháp về điều hành sản xuất, các giải pháp tài chính, đầu tư, v.v. Khuyến khích Ban Giám đốc và cán bộ công nhân viên của Công ty phát huy các thế mạnh, các ưu điểm trong công tác quản trị sản xuất, tháo gỡ những khó khăn để đạt mục tiêu nâng cao hiệu quả Sản xuất kinh doanh.

2. Về công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc, Ban điều hành:

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2020 về công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, thu nhập cho CBCNV, thông qua các cuộc họp Ban điều hành và báo cáo từ các đơn vị, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chức năng phối hợp và thực hiện tốt công tác quản trị sản xuất kinh doanh.

Công tác quản trị, điều hành của Ban Giám đốc đã bám sát vào các chủ trương của các Nghị quyết Hội đồng quản trị. Các giải pháp được thống nhất đề ra được Ban Giám đốc tập trung chỉ đạo một cách mạnh mẽ, quyết liệt nhằm đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động và hoàn thành các mục tiêu được Hội đồng quản trị đề ra.

PHẦN THỨ BA

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

Ban Kiểm soát đã phân công cụ thể theo từng lĩnh vực cho các thành viên về các hoạt động kiểm soát đối với các hoạt động Sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính của Công ty.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tính hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tham gia góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cũng như việc xây dựng kế hoạch hàng năm của Công ty.

Trong quá trình làm việc, Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng Quản trị, Cơ quan điều hành và các đơn vị bộ phận tạo mọi điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ các hồ sơ số liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

PHẦN THỨ TƯ

ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2021 tiếp tục được dự báo là một năm đầy thách thức đối với ngành Dệt May nói chung và ngành Sợi nói riêng do những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh, các cuộc chiến tranh thương mại, thiên tai v.v. Trong khi đó, mùa vụ bông vừa qua mất mùa dẫn đến dự báo sản lượng bông toàn cầu bị cắt giảm khoảng 1% (theo Ủy ban Tư vấn bông vải quốc tế - ICAC) và việc Mỹ cấm nhập bông vải từ Tân Cương dẫn đến tình trạng nguồn cung bông toàn cầu bị hạn chế.

Trong bối cảnh đó, ban Kiểm soát xin đưa ra một số đề xuất và kiến nghị sau:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tập trung chỉ đạo, theo dõi sát tình hình, diễn biến của thị trường, đặc biệt là thị trường bông, sơ thể giới để xây dựng kế hoạch mua sắm NPL phù hợp.
- Ban Giám đốc nên lập dự toán dòng tiền theo quý, theo năm nhằm đảm bảo dòng tiền lưu chuyển của Công ty luôn đầy đủ và thông suốt, tránh tình trạng thiếu hụt dòng tiền cục bộ trong thời gian ngắn do các khoản chi bất thường trong năm.
- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phân bổ nguồn lực phù hợp cho việc vận hành đưa vào sản xuất dự án đầu tư mở rộng nhà máy kéo sợi 30,240 cọc. Tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có của Công ty để đưa nhà máy vào vận hành và đạt hiệu quả cao sau khi dự án đi vào hoạt động.
- Duy trì và đổi mới các giải pháp để tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì ổn định chất lượng sợi, tiếp tục tìm kiếm, mở rộng thị trường kinh doanh, nghiên cứu và phát triển mặt hàng mới.
- Nhận diện, đánh giá rủi ro của các quá trình sản xuất, kinh doanh Sợi. Thường xuyên cập nhật các rủi ro và biện pháp khắc phục vào các quy trình, hệ thống quản lý sản xuất. Ban Giám đốc thường xuyên phổ biến công tác quản trị rủi ro cho các trưởng đơn vị và người lao động nhằm nâng cao ý thức phòng ngừa rủi ro, tai nạn lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng chương trình lưu trữ, truy xuất nguồn gốc bông, xơ sử dụng để đáp ứng các yêu cầu của các hiệp định thương mại đối với xuất xứ NPL và để đề phòng rủi ro leo thang của các cuộc chiến tranh thương mại quốc tế dẫn đến cuộc chiến về nguồn gốc NPL, sản phẩm.
- Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, kỹ năng quản lý, vận hành hệ thống sợi. Tổ chức các đoàn tham quan học tập tại các doanh nghiệp cùng ngành, có hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP SỢI PHÚ BÀI
TM. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



VÕ HOÀNG PHỤNG

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT;
- Các Thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- TV Ban KS, KTT;
- Lưu: Ban Kiểm soát.